

Cập nhật Danh mục đầu tư:

MIDCAP

SZC

SMALLCAP

CNG →

CTI

NHH →

VLB

SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Tháng 8/2024

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư
smartDragon

Mục lục

smartPortfolio tháng 8/2024

I. Tổng quan danh mục	01-04
1. Thống kê hiệu quả danh mục	04
2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật	04
II. Cập nhật Danh mục chính	05-28
1. Danh mục THẬN TRỌNG	05
2. Danh mục CÂN BẰNG	07
3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG	09
4. Danh mục MIDCAP	11
5. Danh mục SMALLCAP	12
6. Điểm nhấn doanh nghiệp	13
III. Cập nhật Danh mục chủ đề	31-32
1. Cổ tức tiền mặt	31
2. Đầu tư công	31
3. P/B<1	31
4. BĐS dân dụng & khu công nghiệp	32
IV. Giới thiệu về smartPortfolio	33-36
1. Tổng quan về smartPortfolio	33
2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư	34
3. Diễn giải	36



“Các nhà đầu tư có thể cân nhắc cơ hội mua vào ở các mức giá hiện tại để đón sóng phục hồi khi VN-Index hướng tới mục tiêu kháng cự 1.260 điểm trong các phiên giao dịch sắp tới.”

VN-Index bất ngờ sụt giảm mạnh trong nửa cuối tháng 7, xuyên thủng mốc hỗ trợ 1.240 điểm với mức giảm hơn 60 điểm tính từ mốc 1.295 điểm. Dù mất đi ngưỡng hỗ trợ quan trọng, thanh khoản thị trường lại khá thấp, chỉ đạt 20.438 tỷ đồng, cho thấy áp lực bán không quá mạnh. Việc VN-Index thành công retest vùng hỗ trợ trong bối cảnh thanh khoản thấp mở ra khả năng thị trường đã tìm thấy đáy sau nhịp giảm gần 80 điểm.

Với những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, cùng với lợi nhuận kỳ vọng hấp dẫn ở vùng giá hiện tại, nhà đầu tư có thể tiếp tục duy trì danh mục. Dự báo trong thời gian tới, VN-Index sẽ hướng tới thử thách các kháng cự tiếp theo quanh vùng 1.260 điểm.

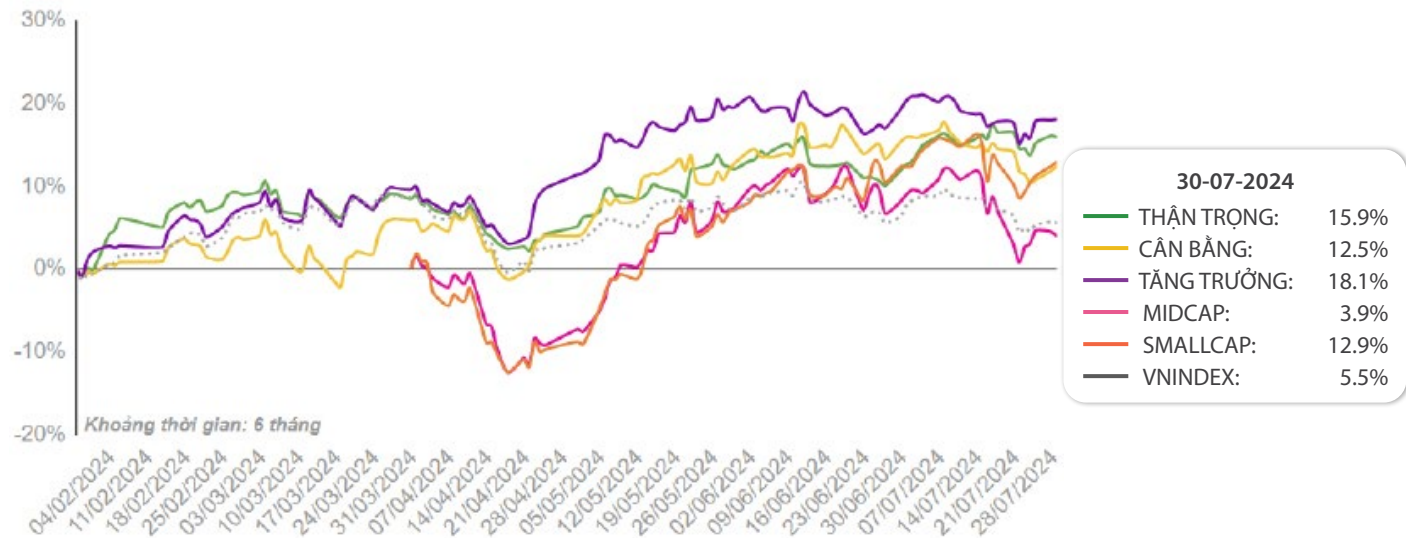
TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tháng 08/2024

Thị trường chứng khoán luôn biến động, đòi hỏi nhà đầu tư phải liên tục cập nhật danh mục đầu tư để bắt nhịp xu hướng và tối ưu hóa lợi nhuận. Dựa trên đánh giá chuyên sâu các sự kiện, tin tức kinh tế, ngành nghề mới nổi và tiềm năng vượt trội của một số doanh nghiệp, chúng tôi xin đề xuất những thay đổi sau cho danh mục đầu tư smartPortfolio như sau:

- ✓ Danh mục **MIDCAP**: Chúng tôi bổ sung **SZC**
- ✓ Danh mục **SMALLCAP**: Thay thế **CNG, NHH** bằng **CTI, VLB**

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ

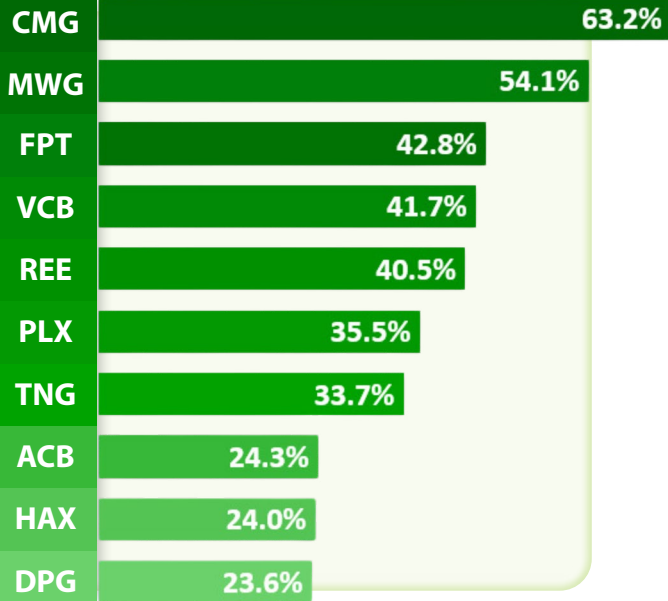


THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1M	3M	6M	12M	YTD
THẬN TRỌNG	5.3%	11.2%	15.9%	13.5%	27.5%
CÂN BẰNG	-0.7%	8.2%	12.5%	4.5%	22.6%
TĂNG TRƯỞNG	1.0%	7.6%	18.1%	16.9%	19.6%
MIDCAP	-2.6%	14.5%	-	-	3.9%
SMALLCAP	2.3%	25.1%	-	-	12.9%
VNINDEX	-0.02%	2.9%	5.5%	3.1%	10.2%

TOP 10 cổ phiếu

đóng góp tích cực vào hiệu quả danh mục (Tính từ đầu năm 2024)



CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓

Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓

Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓

Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

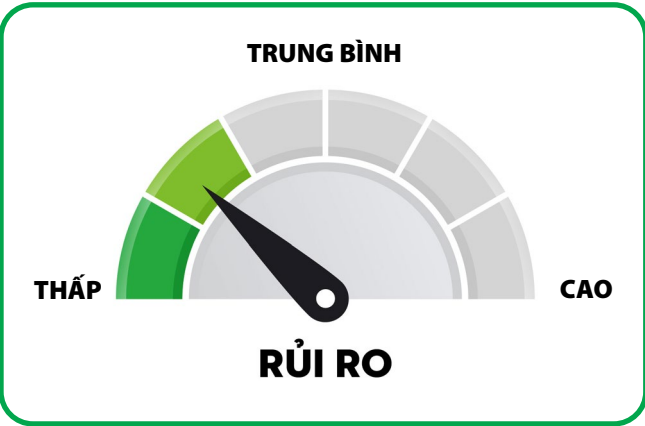
Tỷ suất cổ tức

>7%

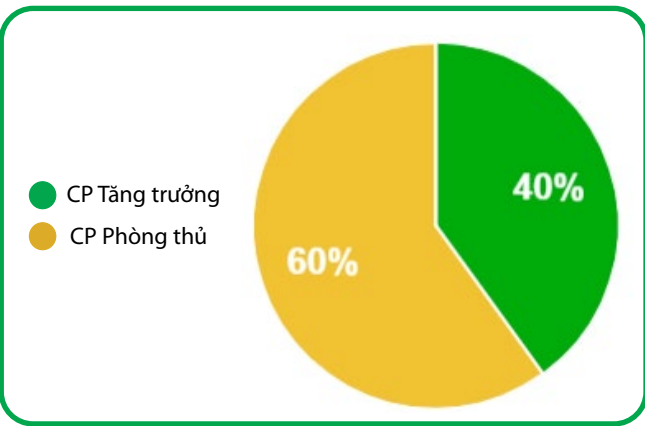
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

8-10%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
CTG	●	Ngân hàng	39.1	32	22.2%	30 - 31.5	20%	8.5	1.4
PLX	●	Dầu khí	54.1	47.1	14.8%	42.5 - 45	20%	18.3	2.1
QNS	●	Mía đường	55.8	48.8	14.3%	45 - 47	20%	7.5	2.1
REE	●	Điện	78	70.5	10.6%	62 - 66	20%	17.3	1.6
VNM	●	Thực phẩm	81.5	67.7	20.4%	63.5 - 65.5	20%	15.4	4.0

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

●

Cổ phiếu Tăng trưởng

●

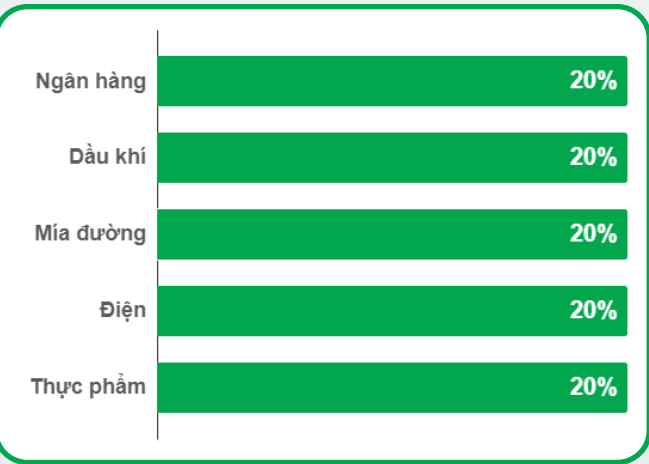
Cổ phiếu Phòng thủ

-

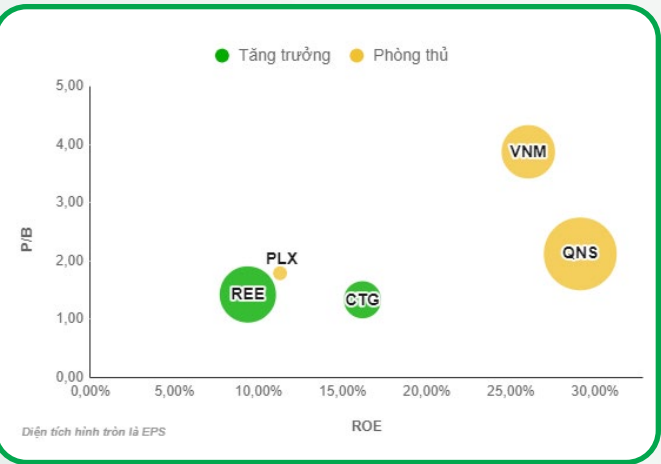
Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

PHÂN BỐ THEO NGÀNH



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC THẬN TRỌNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ACB	●	Ngân hàng	27.4	24.15	13.5%	22.5 - 23.7	6.6	1.5	3,676
BMI	-	Bảo hiểm	27.5	24.45	12.5%	22 - 23.5	8.9	1.1	2,749
BWE	●	Nước	47	41.9	12.2%	39 - 41	14.5	1.8	2,885
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	41.8	27.3	53.1%	25 - 27	21.4	1.0	306
REE	●	Điện	78	70.5	10.6%	62 - 66	17.3	1.6	3,798

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

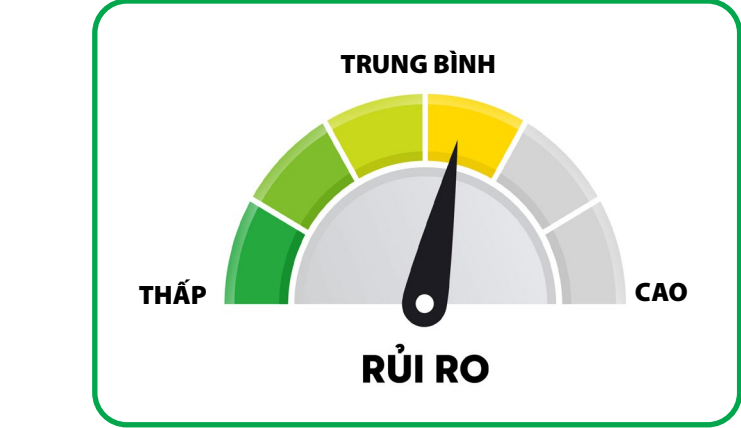
DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

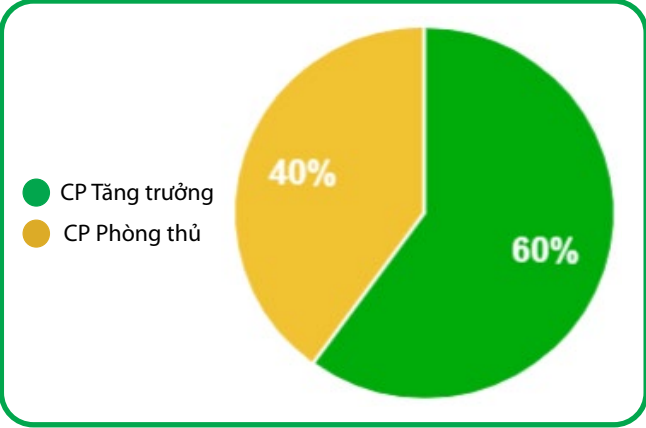
Tỷ suất cổ tức
>5%

Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng
10-15%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC CÂN BẰNG

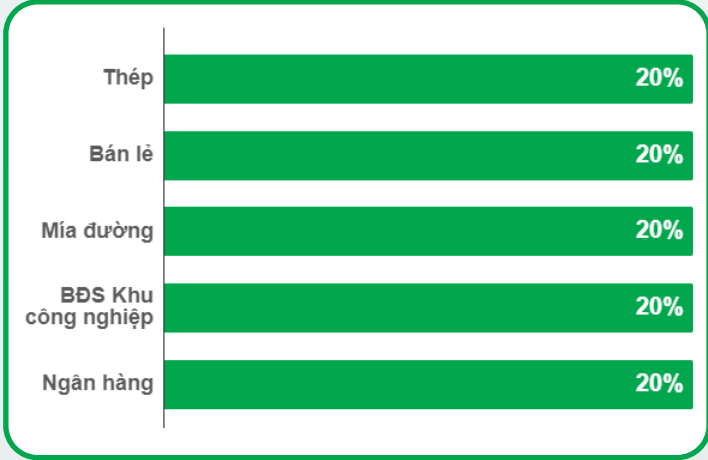
Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
HPG	●	Thép	33.9	27.9	21.5%	26 - 27	20%	19.2	1.8
MWG	●	Bán lẻ	69	63	9.5%	55 - 59	20%	87.8	3.8
PHR	●	BĐS Khu công nghiệp	71	57.3	23.9%	54 - 57.5	20%	18.9	2.0
QNS	●	Mía đường	55.8	48.8	14.3%	45 - 47	20%	7.5	2.1
VPB	●	Ngân hàng	23.1	18.55	24.5%	17.7 - 18.2	20%	13.3	1.2

Chú thích Phân loại cổ phiếu:
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

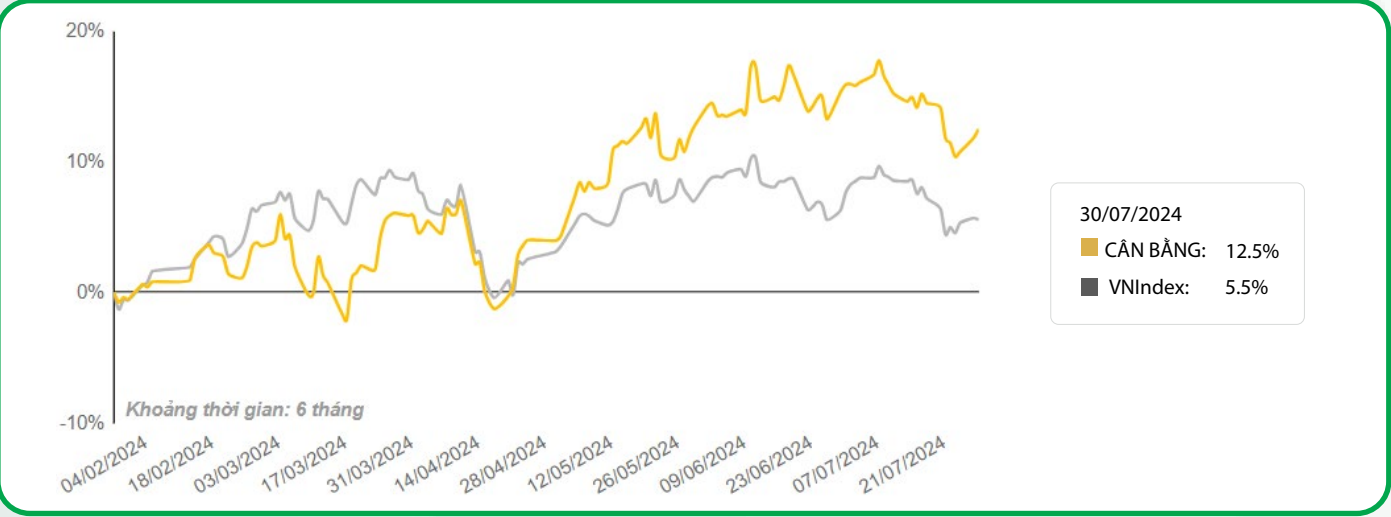
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC CÂN BẰNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTG	●	Ngân hàng	39.1	32	22.2%	30 - 31.5	8.5	1.4	3,751
GAS	●	Dầu khí	85	77.2	10.1%	72 - 75	16.5	2.7	4,760
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	66	41.6	58.7%	36 - 39	10.8	1.3	3,857
MBB	●	Ngân hàng	28.2	24.5	15.1%	22.5 - 23.5	6.4	1.4	4,018
TCB	-	Ngân hàng	28.9	22.95	25.9%	19.5 - 21	7.5	1.2	3,047

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

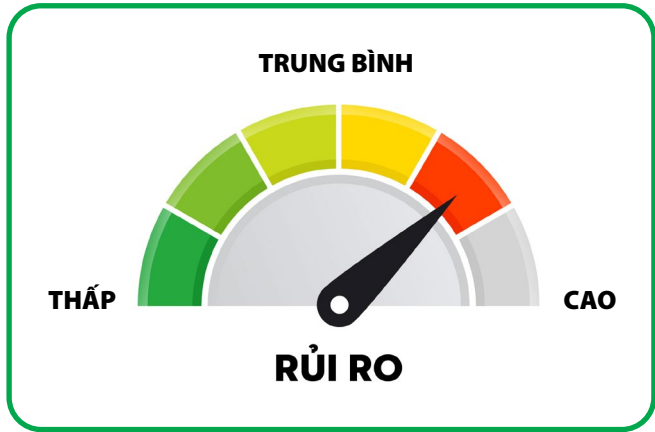
DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

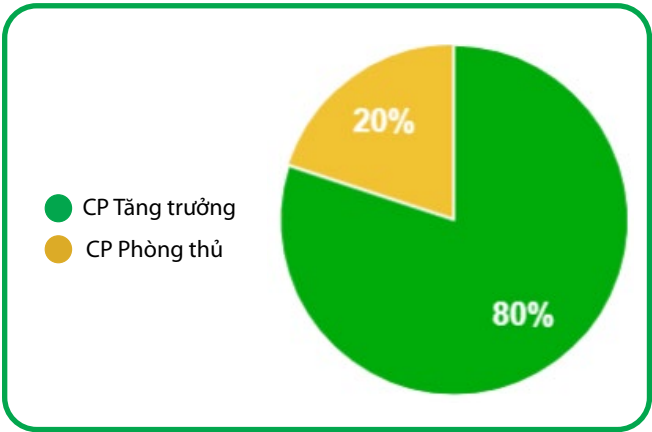
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

22-25%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	●	Ngân hàng	27.4	24.15	13.5%	22.5 - 23.7	20%	6.6	1.5
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	41.8	27.3	53.1%	25 - 27	20%	21.4	1.0
KDH	●	BĐS Dân cư	40.3	36	11.9%	34 - 35.5	20%	49.6	1.9
MSN	●	Thực phẩm	85.6	74.6	14.7%	70 - 72.5	20%	160.0	2.8
QNS	●	Mía đường	55.8	48.8	14.3%	45 - 47	20%	7.5	2.1

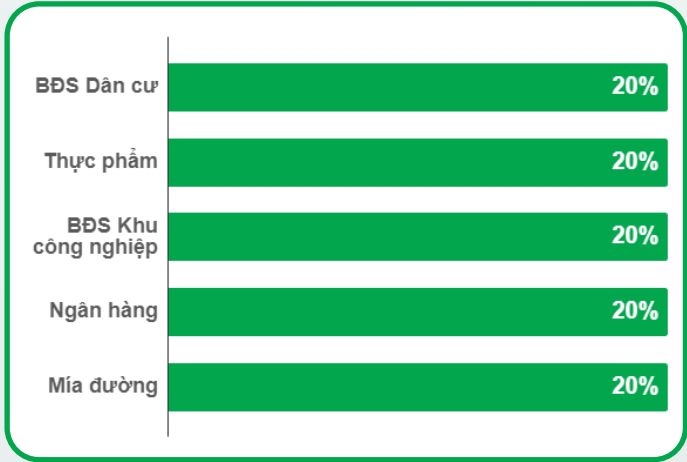
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

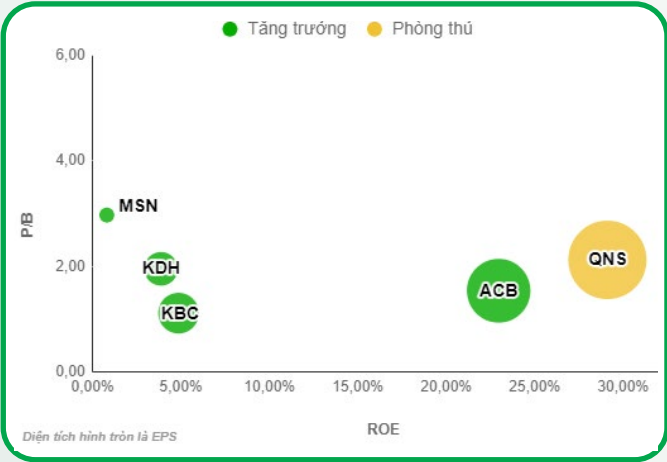
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

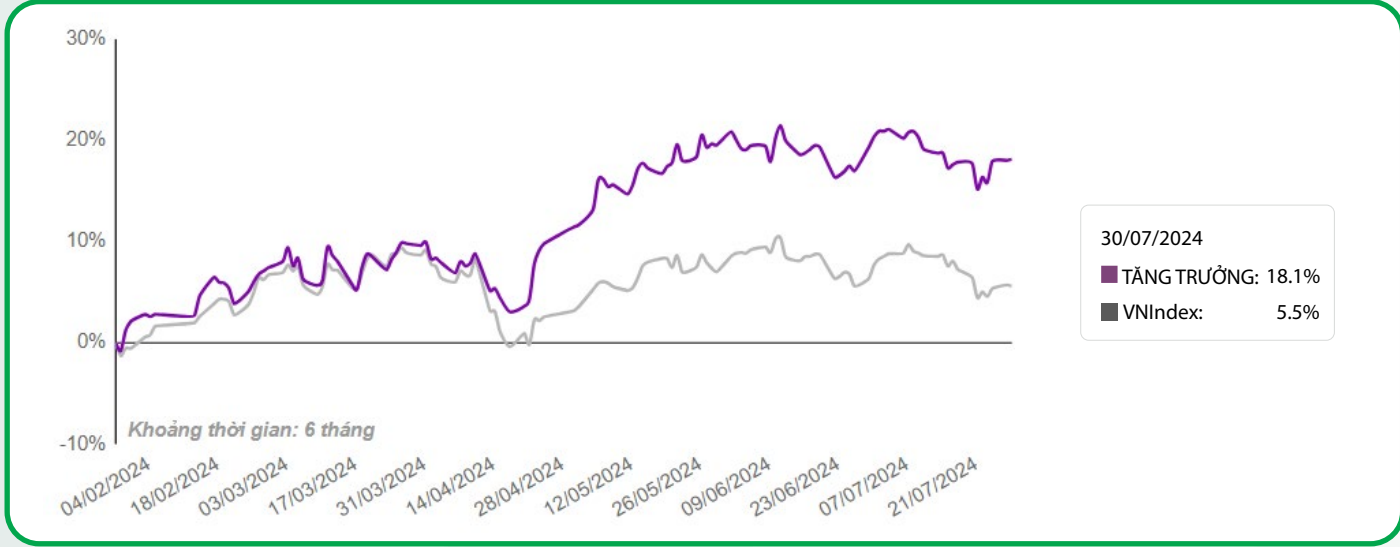
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BSR	-	Dầu khí	25	21.6	15.7%	19.5 - 21	8.3	1.2	2,403
HAH	-	Cảng - Vận tải	50	43.35	15.3%	37 - 40	15.5	1.6	2,791
HDG	-	BĐS Dân cư	33	28.3	16.6%	26 - 27.5	15.1	1.3	1,874
NLG	-	BĐS Dân cư	48.5	41.8	16.0%	39.5 - 41	37.9	1.2	1,102
PVD	●	Dầu khí	34	27.4	24.1%	25 - 27	22.8	1.0	1,150

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

DANH MỤC MIDCAP

- ✓

Danh mục đầu tư Midcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.
- ✓

Midcap là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao

DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BAF	-	Chăn nuôi	22	18.7	17.6%	17 - 18.5	32.80	2.3	678
BWE	●	Nước	47	41.9	12.2%	39 - 41	14.5	1.8	2,885
CTD	-	Xây dựng	85	67.2	26.5%	61.5 - 65	24.8	0.8	2,996
HDG	-	BĐS Dân cư	33	28.3	16.6%	26 - 27.5	15.1	1.3	1,874
HSG	●	Thép	24.3	22.9	6.1%	21 - 22.5	12.4	1.3	1,841
IJC	-	BĐS Dân cư	18	14.95	20.4%	13.8 - 14.5	21.9	1.3	683
PC1	-	Xây dựng	29.5	29	1.7%	26 - 28	44.5	1.3	892
PVT	●	Cảng - Vận tải	32.5	29	12.1%	26 - 27.8	10.3	1.1	2,802
QTP	●	Điện	17	15.2	11.8%	13.5 - 14.5	11.2	1.3	1,354
SCS	-	Hàng không - Du lịch	95.6	86	11.2%	79 - 84	14.8	6.3	5,807
SZC	-	BĐS Khu công nghiệp	45	38.3	17.5%	34 - 37.5	24.8	2.9	1,547

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

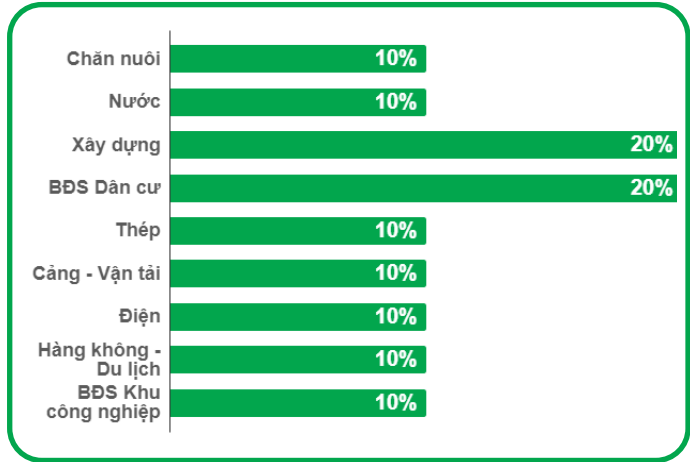
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

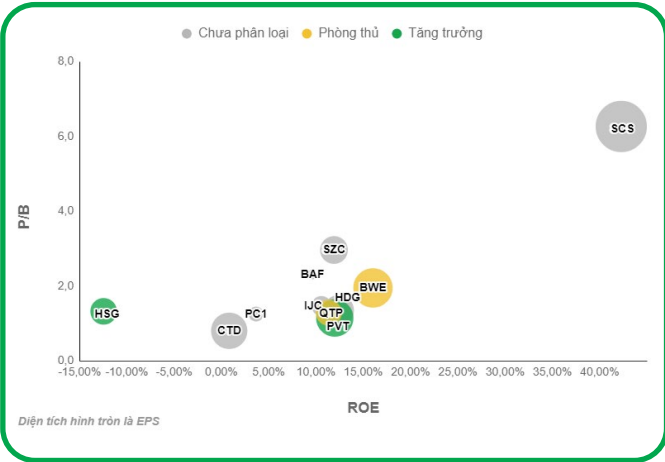
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



DANH MỤC SMALLCAP

- ✓

Danh mục đầu tư Smallcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.
- ✓

Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTI	-	Xây dựng	20	16.7	19.8%	15 - 16	9.1	0.6	1,455
DHC	-	Giấy	45	39.1	15.1%	35.5 - 38	11.3	1.7	3,067
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	38	35	8.6%	28 - 30.5	13.9	2.2	2,510
HAH	-	Cảng - Vận tải	50	43.35	15.3%	37 - 40	15.5	1.6	2,791
HAX	-	Ô tô - Phụ tùng	16	15.95	0.3%	13.5 - 14.5	32.1	1.5	551
ITC	-	BĐS Dân cư	14	11.65	20.2%	10.8 - 11.6	19.1	0.5	812
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	66	41.6	58.7%	36 - 39	10.8	1.3	3,857
PVP	-	Cảng - Vận tải	19.6	16.5	18.8%	16 - 16.7	8.9	1.0	1,853
TNG	-	Dệt may	30	25.9	15.8%	22.5 - 24	12.5	1.7	2,074
VLB	-	Cát, Đá	42	35.1	19.7%	33 - 34.5	9.0	2.6	3,884

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

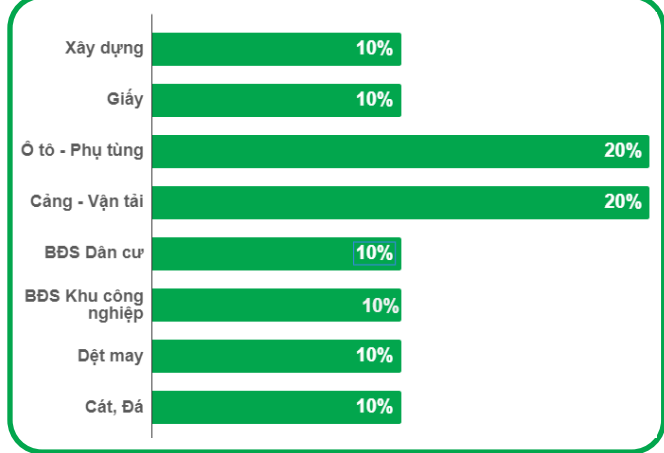
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

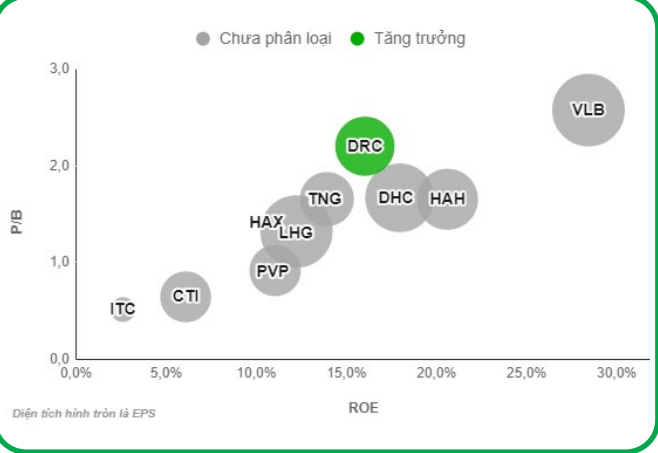
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

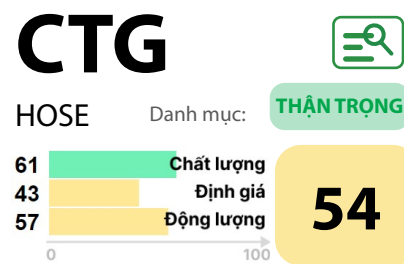
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP

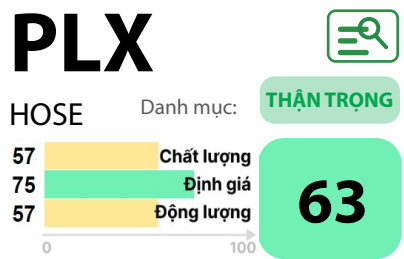


LNTT hợp nhất Q2-2024 đi ngang so với cùng kỳ (+3% YoY) do tăng cường trích lập dự phòng trong bối cảnh nợ xấu tăng nhanh bất ngờ. Tổng thu nhập hoạt động trong Q2 tăng trưởng 11% YoY và đạt 6,7 nghìn tỷ đồng với sự tăng trưởng chủ yếu đến từ thu nhập lãi thuần và thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Lũy kế nửa đầu năm 2024, tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng 11% YoY, đạt 38,7 nghìn tỷ đồng.

TN lãi thuần Q2 đạt 15,3 nghìn tỷ (+20% YoY và +1% QoQ). TN lãi thuần H12024 tăng trưởng 20% YoY, đạt 30,5 nghìn tỷ. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng 6% YoY lên 1,8 nghìn tỷ vào Q2-2024. Thu nhập ngoài lãi khác

Chi phí hoạt động Q2 tăng 7% YoY với CIR (quý) giảm 100 bps YoY về 26%. Chí phí dự phòng rủi ro tín dụng Q2 tăng 21% YoY lên 7,8 nghìn tỷ đồng, tương đương tỷ lệ chi phí tín dụng là 0,5% đi ngang so với quý trước. Đáng chú ý, nợ xấu hình thành ròng tăng mạnh 14,8 nghìn tỷ trong Q2 (tỷ lệ 1% trên tổng cho vay KH), khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm về 114% tại cuối Q22024 (2023: 167%, Q1-2024: 151%). Tỷ lệ NPL cũng tăng 20 bps QoQ lên 1,6% (mục tiêu 2024 là kiểm soát tỷ lệ NPL dưới 1,8%). Nợ cần chú ý (nhóm 2) giảm nhẹ 6% QoQ trong Q 2/2024.

"LNTT hợp nhất Q2-2024 đi ngang so với cùng kỳ (+3% YoY)."



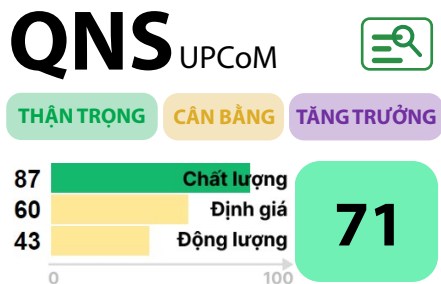
Doanh thu thuần: 73.837 tỷ đồng (+12% yoy). LNST: 1.275 tỷ (+43% yoy). KQKD tăng trưởng mạnh với động lực chính đến từ giá bán xăng dầu trung bình tăng 8% yoy theo xu hướng tăng của giá dầu thế giới (+14% yoy) và sản lượng dầu DO tiêu thụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản lượng xăng dầu xuất bán khi giá bán dầu DO lại có mức tăng cao nhất (10% yoy) trong các sản phẩm, biên lợi nhuận gộp tăng từ 5,9% lên 6,3% và thu nhập khác 121 tỷ đồng.

Biên lợi nhuận cải thiện khi chi phí định mức được cải thiện từ tháng 7/2024. Trong kỳ điều chỉnh giá ngày 4/7/2024, trước diễn biến giá xăng dầu thế giới biến động tăng, Bộ

kinh doanh định mức áp dụng trong giá cơ sở xăng dầu, nhằm bảo đảm biến động giá xăng dầu trong nước phù hợp với biến động giá xăng dầu thế giới.

Những điểm mới của Dự thảo Nghị định (số 3) thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP có tác động tích cực đối với các thương nhân kinh doanh và phân phối xăng dầu như PLX.

"Trong Q2/2024, Doanh thu thuần: 73.837 tỷ đồng (+12% yoy) và LNST: 1.275 tỷ (+43% yoy)."



Giá mục tiêu: 55,800
Giá hiện tại: 48,800
Lợi nhuận kỳ vọng: 14.3%
Vùng mua: 45,000 - 47,000

+/- Doanh thu (Q2/24): -10.5%
+/- LNST (Q2/24): -3.1%
EPS: 6,481
ROE: 27.9%

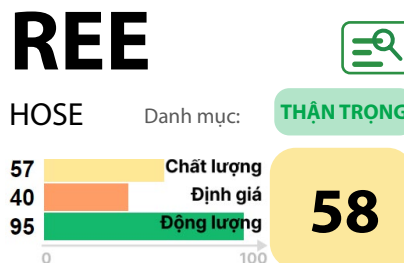
Tổng doanh thu của Q2/2024 (bao gồm doanh thu HĐ tài chính và thu nhập khác) đạt 2.911 tỷ đồng, giảm 10,5% so với cùng kỳ trong khi LNTT đạt 761 tỷ đồng, giảm 4,5% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng doanh thu đạt 5.500 tỷ đồng, tăng 0,7% so với cùng kỳ, trong khi LNTT tăng 16% so với cùng kỳ đạt 1.340 tỷ đồng.

Mảng đường: Doanh thu mảng đường giảm 28% so với cùng kỳ xuống 1.066 tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ đường giảm 25% xuống 53.000 tấn. Lưu ý, trong Q2/2023 QNS bán 76.000 tấn đường và đây là quý có sản lượng tiêu thụ đường cao kỷ lục. LNTT Q2/2024 tăng 1% so với cùng kỳ đạt 325 tỷ đồng; Mảng sữa đậu nành: Doanh thu tăng 3% so với cùng kỳ đạt 1.196 tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu

thụ sữa đậu nành tăng 4%. Tuy nhiên, LNTT giảm 16% so với cùng kỳ xuống 261 tỷ đồng do tác động tiêu cực của tỷ giá USD/VND tăng trong quý. QNS nhập khoảng 80% lượng đậu nành phục vụ cho sản xuất.

Cho năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần đạt 10.441 tỷ đồng, tăng trưởng 4,1% và lợi nhuận thuần ở mức 2.441 tỷ đồng, tăng trưởng 11,8%.

"Tổng doanh thu của Q2/2024 đạt 2.911 tỷ đồng, giảm 10,5% so với cùng kỳ trong khi LNTT đạt 761 tỷ đồng, giảm 4,5% so với cùng kỳ."



Giá mục tiêu: 78,000
Giá hiện tại: 70,500
Lợi nhuận kỳ vọng: 10.6%
Vùng mua: 62,000 - 66,000

+/- Doanh thu (Q2/24): 0.3%
+/- LNST (Q2/24): -27.4%
EPS: 3,798
ROE: 8.6%

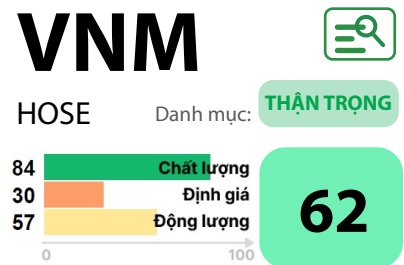
REE báo cáo lợi nhuận thuần Q2/2024 kém tích cực, với 404 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ. Trong nửa đầu năm 2024, REE ghi nhận 952 tỷ đồng lợi nhuận thuần, hoàn thành 40% KHKD năm 2024 BLĐ để ra và đạt 32% dự báo cho cả năm của chúng tôi. Doanh thu thuần ghi nhận trong kỳ thấp hơn dự báo của chúng tôi, với 4 nghìn tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2024, giảm 12% so với cùng kỳ và hoàn thành 38% KHKD Công ty để ra và dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

rong nửa đầu năm 2024, mức đóng góp của mảng điện giảm xuống 41%, thấp hơn mức đóng góp trong nửa đầu năm 2023 ở mức 60%. Sản lượng điện tại các nhà máy thủy điện giảm do điều kiện thủy văn không thuận lợi tại

miền Trung do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino là nguyên nhân chính dẫn đến sụt giảm lợi nhuận. Tổng sản lượng thủy điện giảm xuống 1,9 tỉ kWh (từ mức 2,6 tỉ kWh trong nửa đầu năm 2023), trong khi đó, sản lượng nhiệt điện tăng lên 2,7 tỉ kWh so với 1,5 tỉ kWh cùng kỳ năm ngoái.

Động lực thúc đẩy giá cổ phiếu tăng trưởng có thể đến từ việc quỹ Jardines đăng ký mua REE với giá 80.000đ/cp, cao hơn thị giá hiện tại.

"Lợi nhuận thuần Q2/2024 kém tích cực, với 404 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ."



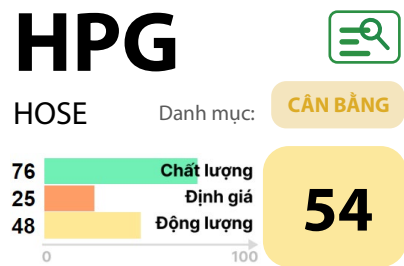
KQKD Q2/2024 của VNM tích cực với doanh thu thuần tăng 10% so với cùng kỳ đạt 16.656 tỷ đồng. Đây là quý có doanh thu cao nhất từ trước đến nay của VNM. Lợi nhuận thuần tăng mạnh hơn doanh thu, tăng 21% so với cùng kỳ đạt 2.670 tỷ đồng. Lũy kế nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 6% và 20% so với cùng kỳ đạt 30.768 tỷ đồng và 4.865 tỷ đồng.

Trong Q2/2024, doanh thu trong nước của VNM tăng 6% so với cùng kỳ đạt 13.532 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu trong nước của công ty mẹ tăng 4% so với cùng kỳ lên 11.850 tỷ đồng. Mức tăng của doanh thu trong nước đóng góp 51% vào mức tăng doanh thu thuần 1.461 tỷ đồng của VNM. Doanh thu xuất khẩu tăng mạnh 37% so với

cùng kỳ lên 1.740 tỷ đồng, nhờ một số đối thủ cạnh tranh rút khỏi thị trường Iraq. Mức tăng doanh thu xuất khẩu đóng góp 32% vào mức tăng doanh thu thuần 1.461 tỷ đồng của VNM trong Q2/2024.

Chúng tôi tin rằng VNM có thể duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thuần cao trong nửa cuối năm 2024, nhờ vào chiến dịch thay đổi bộ nhận diện thương hiệu ở mảng sữa chua và sữa bột cũng như tăng cường đầu tư vào việc xây dựng thương hiệu và việc tiếp tục tái cấu trúc sản phẩm.

"Doanh thu thuần Q2/2024 tăng 10% so với cùng kỳ đạt 16.656 tỷ đồng - cao nhất từ trước đến nay."



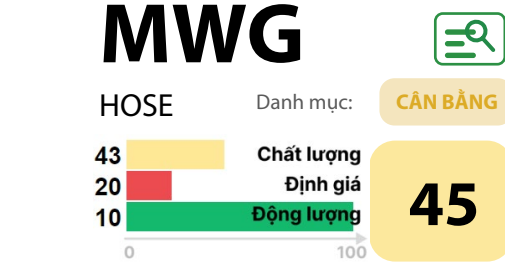
Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 127% so với cùng kỳ đạt 3,32 nghìn tỷ đồng trong khi doanh thu thuần tăng 34% so với cùng kỳ đạt 39,6 nghìn tỷ đồng. Nếu không tính đến chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 159 tỷ đồng và lỗ tỷ giá 136 tỷ đồng trong kỳ, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 3,58 nghìn tỷ đồng, tăng 136% so với cùng kỳ và tăng 35% so với quý trước. Tính chung nửa đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 233% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi cũng đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5 lần so với cùng kỳ.

Trong Q2/2024, HPG đã bán được tổng cộng 2,51 triệu tấn sản phẩm thép, tăng 39,4% so với cùng kỳ và 20,7% so với quý trước. Chúng tôi nhận thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ trên hầu hết các ngành hàng (thép xây dựng, phôi thép,

tôn mạ và ống thép) ngoại trừ HRC đang bị ảnh hưởng bởi việc bán phá giá sản phẩm HRC Trung Quốc trên toàn cầu. Việc sản lượng thép tiêu thụ tăng trưởng, cùng với tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 13,3% (Q2/2023: 10,8%) đã giúp nâng cao lợi nhuận.

HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,8 lần, cao hơn bình quân 5 năm ở mức 10,8 lần. Với triển vọng lợi nhuận tươi sáng với lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 49%, mức định giá cao hơn này là hợp lý.

"Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 127% so với cùng kỳ đạt 3,32 nghìn tỷ đồng trong khi doanh thu thuần tăng 34% so với cùng kỳ đạt 39,6 nghìn tỷ đồng."



MWG đã công bố KQKD Q2/2024 với doanh thu thuần tăng 16% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước đạt 34.134 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng 67 lần so với cùng kỳ và 30% so với quý trước đạt 1.172 tỷ đồng.

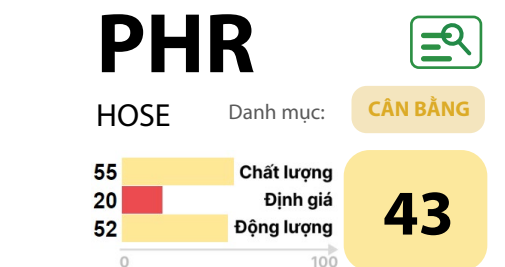
BHX đánh dấu một cột mốc quan trọng khi bắt đầu có lãi trong Q2/2024, với lợi nhuận thuần đạt 7 tỷ đồng và doanh thu thuần tăng 7% so với quý trước, vượt dự báo của chúng tôi. Trong cả Q2/2024, doanh thu trên mỗi cửa hàng đã cải thiện 3% so với quý trước, đạt 2 tỷ đồng. Nhờ đó, doanh thu thuần của BHX đã tăng 36% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước, đạt 9.933 tỷ đồng trong Q2/2024, đóng góp 29% doanh thu thuần của MWG.

Trong Q2/2024, doanh thu thuần của chuỗi TGDĐ & ĐMX

đạt 23.143 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước, khá tích cực trong bối cảnh nhu cầu về hàng điện máy còn chưa tăng mạnh. Lợi nhuận thuần Q2/2024 của chuỗi TGDĐ & ĐMX vượt dự báo, đạt 1.259 tỷ đồng, tăng 211% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước.

Do tỷ suất lợi nhuận thuần của chuỗi TGDĐ & ĐMX cải thiện và doanh thu trên mỗi cửa hàng tại chuỗi BHX cao hơn dự báo nên nhiều khả năng HSC sẽ điều chỉnh tăng dự báo cho giai đoạn 2024-2026.

"Trong Q2/2024, doanh thu thuần tăng 16% so với cùng kỳ, đạt 34.134 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng 67 lần so với cùng kỳ, đạt 1.172 tỷ đồng."



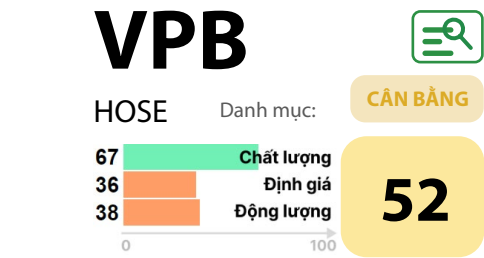
PHR gần đây đã công bố KQKD Q2/2024 với lợi nhuận thuần đạt 65 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ, trên doanh thu 272 tỷ đồng, tăng 145,0% so với cùng kỳ. Tính chung nửa đầu năm 2024, doanh thu và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 595 tỷ đồng (tăng 36,3% so với cùng kỳ) và 138 tỷ đồng (giảm 60,6% so với cùng kỳ) do không còn khoản tiền bồi thường đất đợt 1 (200 tỷ đồng trước thuế), lợi nhuận từ thanh lý cây cao su (70 tỷ đồng trước thuế).

Trong Q2/2024, doanh thu tăng mạnh nhờ doanh thu mảng cao su ghi nhận mức tăng trưởng 176% so với cùng kỳ đạt 249 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt mức 17,4% trong Q2/2024 và nửa đầu năm 2024 so với mức 16,7%

trong nửa đầu năm 2023, nhờ giá bán tốt hơn, bình quân 39-40 triệu đồng/tấn, tăng 15-16% so với cùng kỳ. Doanh thu mảng KCN đạt 16 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ việc phân bổ doanh thu hằng năm từ các khu vực đã cho thuê trước đây của dự án KCN Tân Bình (Tân Bình). Tỷ suất lợi nhuận gộp ổn định ở mức 75%.

"Trong Q2/2024, lợi nhuận thuần đạt 65 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ, trên doanh thu 272 tỷ đồng, tăng 145,0% so với cùng kỳ."





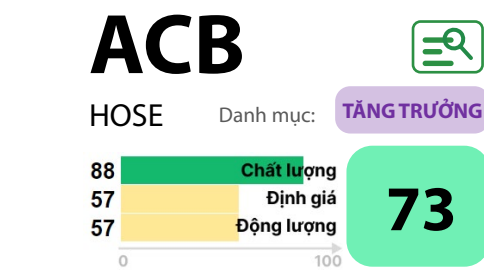
VPB đã công bố KQKD Q2/2024 mạnh mẽ với LNTT hợp nhất đạt 4.484 tỷ đồng (tăng mạnh 72% so với cùng kỳ), trong đó phần lợi nhuận sụt giảm nhẹ của Ngân hàng mẹ (3.573 tỷ đồng, giảm 5,5% so với cùng kỳ) được bù đắp nhờ sự đảo chiều mạnh mẽ của FE Credit (từ lỗ 1.966 tỷ đồng trong Q2/2023 sang lãi 145 tỷ đồng trong Q2/2024). Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần của VPB đạt 7.125 tỷ đồng, tăng 27,3% so với cùng kỳ.

Chất lượng tài sản đã có sự cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 5,1% trong Q2/2024, nhờ việc đẩy mạnh trích lập và sử dụng dự phòng. VPB đã xử lý xong trái phiếu VAMC trong Q2/2024, đây có thể xem là bước tiến tích cực. Tỷ lệ NIM tăng đáng kể 57 điểm cơ bản so với quý trước nhờ chi

phí huy động giảm mạnh & tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ đạt 6,9% kể từ đầu năm.

VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 1,03 lần, thấp hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,14 lần.

“KQKD Q2/2024 mạnh mẽ với LNTT hợp nhất đạt 4.484 tỷ đồng (tăng mạnh 72% so với cùng kỳ).”



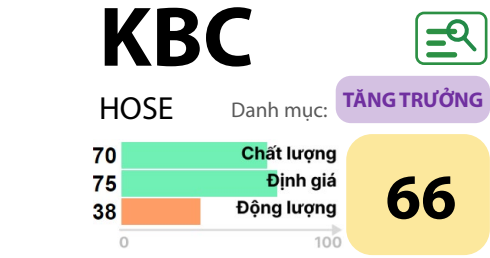
Tăng trưởng LNTT hợp nhất vượt kỳ vọng, đạt 16% YoY, với đóng góp lớn đến từ tăng trưởng quy mô tài sản sinh lãi (+23%) và giảm CP trích lập dự phòng (-17% YoY), đồng thời kiểm soát CP hoạt động chặt chẽ (-1% YoY). Tổng thu nhập hoạt động trong Q2 tăng nhẹ 8% YoY và đạt 8,7 nghìn tỷ đồng với điểm nhấn chính từ TN lãi thuần.

Tăng trưởng tín dụng tại NH mẹ 12,4% YTD, tương đương tăng 26% YoY, đạt 540 nghìn tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng tại nhóm KH cá nhân/Doanh nghiệp vừa và nhỏ/ DN là 12,3%/2,2%/37,6%. KQKD Q2 cho thấy lợi thế của ACB trong việc tăng trưởng tín dụng mảng cá nhân với TTTD vượt trội so với ngành. Điều này cùng với chiến lược chú trọng hơn trong tài trợ vốn nhóm KH doanh nghiệp

có thể giúp ACB sớm hoàn thành hạn mức tín dụng đầu năm và được cấp thêm tín dụng trong 2H2024 (dự phóng hiện tại: hơn 17%). TTTD cao sẽ bù đắp tác động từ NIM suy giảm và giúp TN lãi thuần trong 2H2024 có nhiều khả năng duy trì tăng trưởng hai chữ số (Dự phóng hiện tại: +25% YoY).

Chúng tôi đang dự báo KQKD năm 2024 của ACB có Tổng thu nhập hoạt động và LNTT đạt lần lượt 36 nghìn tỷ đồng (+10% YoY) và 22 nghìn tỷ đồng (+10% YoY).

“Tăng trưởng LNTT hợp nhất đạt 16% YoY, tích cực hơn so với kỳ vọng +6% YoY.”



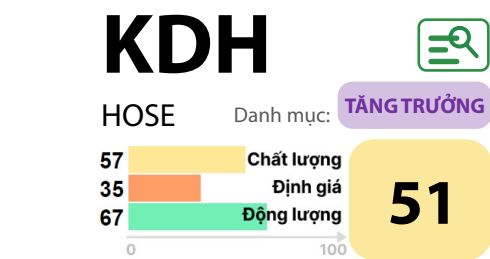
KBC báo cáo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q2/2024 lần lượt đạt 237 tỷ đồng, (giảm 75,8% so với cùng kỳ nhưng chuyển biến lợi nhuận từ lỗ 86 tỷ đồng trong Q1/2024) và 892 tỷ đồng (giảm 61,7% so với cùng kỳ). Kết quả trên vượt kỳ vọng của chúng tôi, nhờ hoạt động bàn giao đất KCN (15 ha) được hoàn thành nhanh hơn dự kiến, và chủ yếu do thời điểm ghi nhận doanh thu. Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 35% và 23% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi nhưng chỉ hoàn thành 12% và 5% KHKD BLĐ để ra.

Dư nợ thuần của KBC trong Q2/2024 tăng 7,8% so với quý trước và 31,3% so với đầu năm đạt 3,7 nghìn tỷ đồng khi Công ty vay vốn để tăng mức vốn đầu tư cho các dự án đang phát triển như dự án KDC Trảng Cát, dự án nhà ở xã

hội Nếnh (Bắc Giang), dự án cụm công nghiệp Kim Động (Hưng Yên),...Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH của KBC tăng lên 0,18 lần tính đến cuối Q2/2024, từ mức 0,14 lần cuối năm 2023. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, mức này vẫn an toàn.

Cho nửa cuối năm 2024, chúng tôi dự báo KBC sẽ tiến hành bàn giao đất KCN tại nhiều dự án cho khách thuê. Công ty đã ghi nhận doanh số cho thuê đất chưa ghi nhận doanh thu với 43 ha tính đến cuối Q2/2024 (Nam Sơn Hạp Lĩnh, Tân Phú Trung, Quang Châu).

“Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q2/2024 lần lượt đạt 237 tỷ đồng, (giảm 75,8% so với cùng kỳ) và 892 tỷ đồng (giảm 61,7% so với cùng kỳ).”



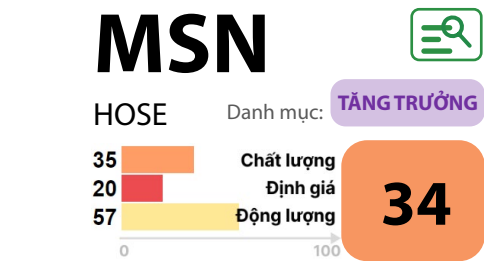
Trong quý 2/2024, KDH ghi nhận doanh thu đạt 645 tỷ đồng (+10%YoY, +93%QoQ), lợi nhuận gộp đạt 509 tỷ đồng (-1%YoY, biên lợi nhuận gộp đạt 79%) nhờ bàn giao các sản phẩm thấp tầng giá trị cao tại dự án Classia. Chi phí SG&A vẫn ở mức cao và đạt 86 tỷ đồng (+26% YoY, +53% QoQ, chủ yếu từ chi phí hoa hồng và quảng cáo); qua đó lợi nhuận sau thuế - cổ đông mẹ (LNST-CĐM) đạt 278,5 tỷ đồng (+12% YoY, +339% QoQ).

Lũy kế 6T2024, tổng doanh thu và LNST công ty mẹ ghi nhận 978,5 tỷ đồng (-2,8% YoY) và 341,8 tỷ đồng (-23,6% YoY), nhờ bàn giao các sản phẩm thấp tầng dự án Classia, tương ứng hoàn thành 25% chỉ tiêu doanh thu và 43% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Hàng tồn kho của KDH tiếp tục tăng trưởng quý thứ 5 liên tiếp, Q2/2024 hàng tồn kho của công ty đạt 21,5 nghìn tỷ đồng (+65,7% YoY, +5%QoQ). Trong kỳ, công ty chủ yếu đầu tư vào dự án BT – Bình Trưng Đông.

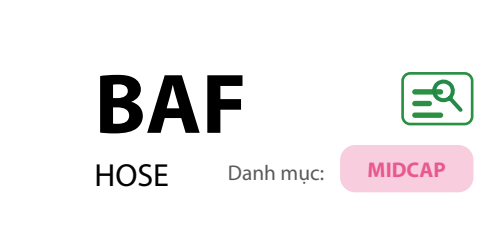
Cho cả năm 2024, chúng tôi ước tính tổng doanh thu và LNST-CĐM lần lượt đạt 4.704 tỷ đồng (+125% YoY) và 981 tỷ đồng (+37% YoY), với trọng điểm bàn giao dự án The Privia (Bình Tân). EPS 2024 dự kiến đạt 1.137 đồng.

“Trong quý 2/2024, KDH ghi nhận doanh thu đạt 645 tỷ đồng (+10%YoY, +93%QoQ), lợi nhuận gộp đạt 509 tỷ đồng (-1%YoY, biên lợi nhuận gộp đạt 79%).”



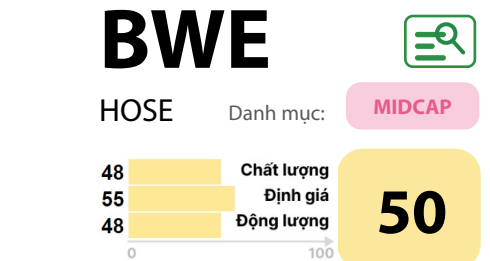
Doanh thu thuần đạt 20.134 tỷ đồng (+6,8% QoQ, +8,2% YoY), cụ thể: MCH (mảng FMCG) đạt 7.388 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng mạnh +14,1% YoY; WCM (WinCommerce) đạt 7.844 tỷ đồng (+9,2% YoY); MML (MeatLife) đạt 1.791 tỷ đồng (+5,1% YoY); MSR (Masan High Tech) đạt 3.652 tỷ đồng (+3,5% YoY).

NPAT-MI ghi nhận 503 tỷ đồng (+377,3%YoY), cụ thể: MCH (mảng FMCG) đạt 1.752 tỷ đồng (+8,3% YoY), với biên lợi nhuận ròng là 23,8% (-128 bps YoY); WCM (WinCommerce) đạt -40,4 tỷ đồng (thu hẹp đáng kể so với -132,9 tỷ đồng của Q2-2023); MML (MeatLife) đạt -31,0 tỷ đồng (thu hẹp đáng kể so với -124,8 tỷ đồng của Q2-2023)MSR (Masan High Tech) đạt -359,3 tỷ đồng (thu hẹp đáng kể so với mức



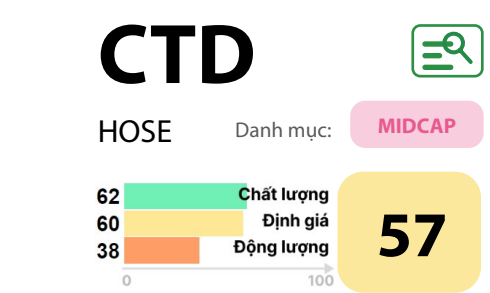
Quý 2/2024 ghi nhận sản lượng heo thịt xuất bán hơn 144 nghìn con, tiếp tục đạt mức cao kỷ lục kể từ khi thành lập. Lũy kế 6 tháng đầu năm, sản lượng heo bán ra đạt 252 nghìn con, tăng mạnh so với 135,2 nghìn con của cùng kỳ và hoàn thành khoảng 44% sản lượng bán hàng kế hoạch năm.

Về mặt doanh thu, mảng chăn nuôi đạt 805,35 tỷ +374,8% yoy nhờ tổng sản lượng heo xuất bán tăng hơn 137% yoy kết hợp giá heo hơi thịt trung bình ở Q2/2024 tăng 16,4% svck. Nhờ vậy, BAF ghi nhận lợi nhuận gộp mảng chăn nuôi đạt 165 tỷ +241,6% yoy. Điểm đáng lưu ý, biên LNG quý 2 chỉ đạt 20,5% so với 29,2% của quý trước và 28,5% của cùng kỳ, trong khi giá heo hơi tăng 16,2% qoq, 16,4% svck và chi phí cám ước tính giảm trên 10% svck. Theo doanh nghiệp, việc (1) đưa 3 trang trại mới có tổng vốn



BWE đã công bố KQKD Q2/2024 với 134 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (giảm 35% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước). Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, Công ty ghi nhận 318 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, hoàn thành 51% mục tiêu của công ty đề ra cho năm 2024.

Chi phí tài chính tăng cao do khoản lỗ tỷ giá chưa thực hiện lên đến 71 tỷ đồng là nguyên nhân chính dẫn đến KQKD Q2/2024 kém tích cực. BWE đang có kế hoạch đảo nợ cho khoản vay hiện tại để hưởng mức lãi suất thấp hơn, tận dụng mức xếp hạng tín dụng tốt. Giá bán nước bình quân của BWE tăng 9,6% so với cùng kỳ trong Q2/2024 nhờ sản lượng tiêu thụ của nhóm khách hàng doanh nghiệp tăng.



CTD công bố KQKD Q4 cho niên độ tài chính kết thúc vào tháng 6/2024 (NĐTC 2023-2024). Quý này ghi nhận doanh thu đạt 6,6 nghìn tỷ đồng (tăng 41,4% so với quý trước và 82,4% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 58 tỷ đồng (giảm 43,9% so với quý trước nhưng tăng 95,2% so với cùng kỳ). KQKD tích cực được thúc đẩy bởi doanh thu mảng xây dựng tăng lên, tăng 82,6% so với cùng kỳ và 41,5% so với quý trước, và bởi tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện so với cùng kỳ.

Kết thúc NĐTC 2023-2024, doanh thu và lợi nhuận thuần của CTD đạt lần lượt 21,0 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 30,8%) và 299 tỷ đồng (tăng gấp 4,4 lần so với NĐTC 2022-2023 yếu kém trước khi phục hồi), lần lượt vượt 16,8% và

SMARTPORTFOLIO 08/2024

HDG

HOSE

Danh mục: MIDCAP

75

75

48

Chất lượng

Định giá

Động lượng

71

Giá mục tiêu: 33,000

Giá hiện tại: 28,300

Lợi nhuận kỳ vọng: 16.6%

Vùng mua: 26,000 - 27,500

+/- Doanh thu (Q2/24): -7.4%

+/- LNST (Q2/24): 110%

EPS: 1,989

ROE: 9.1%

Trong quý 2/2024, HDG ghi nhận doanh thu 560 tỷ đồng (-7.4%YoY), trong đó doanh thu thủy điện vẫn ở mức thấp và đạt 205 tỷ đồng (-1%YoY,-16%QoQ); lợi nhuận gộp đạt 282 tỷ đồng (-24%YoY, -25%QoQ). Tuy nhiên, với việc giảm chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) cùng chi phí tài chính (tiếp tục từ việc cơ cấu lại các khoản nợ để giảm lãi vay), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 74 tỷ đồng (+110% YoY,-69%QoQ).

Cho năm 2024, chúng tôi duy trì kì vọng mảng năng lượng sẽ hồi phục nhẹ, đặc biệt từ quý 3/2024 với kỳ vọng về xác suất La Nina tăng lên đáng kể trong giai đoạn tháng 8-9. Cùng với việc công ty giảm được chi phí SG&A và chi phí lãi vay, chúng tôi ước tính LNST công ty mẹ, cho nửa cuối năm và cho cả năm 2024, lần lượt đạt 405 tỷ đồng

(+24%YoY, +37%HoH) và 700 tỷ đồng (+5%YoY, bằng 90% kế hoạch kinh doanh của công ty).

Trong cuộc gặp gỡ với doanh nghiệp HDG gần đây, công ty đã có chia sẻ về tiến độ các dự án hiện tại, với các dự án năng lượng tái tạo (NLTT) đang chờ quy định hướng dẫn về cơ chế đàm phán giá để chính thức triển khai các dự án. Với các dự án BĐS nhà ở, công ty duy trì kế hoạch triển khai bán hàng với dự án Charm Villa – giai đoạn 03 trong cuối năm 2024, tuy nhiên sẽ đánh giá về mức độ hấp thu của thị trường để đưa ra phương án bán hàng hợp lý.

“Doanh thu và LNST Q2/2024 lần lượt đạt 560 tỷ đồng (-7.4%YoY) và 74 tỷ đồng (+110%YoY).”

SMARTPORTFOLIO 08/2024

HSG

HOSE

Danh mục: MIDCAP

68

40

24

Chất lượng

Định giá

Động lượng

51

Giá mục tiêu: 24,300

Giá hiện tại: 22,900

Lợi nhuận kỳ vọng: 6.1%

Vùng mua: 21,000 - 22,500

+/- Doanh thu (Q2/24): 25.4%

+/- LNST (Q2/24): 1832.5%

EPS: 1,841

ROE: 10.3%

Trong quý 3 NĐTC 2024, công ty dự kiến lợi sẽ tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực so với NĐTC trước, và lũy kế 9 tháng thì công ty đã hoàn thành kế hoạch LNST đặt ra trong ĐHCĐ 2024. Về mặt sản lượng, công ty duy trì sản lượng bán hàng tích cực (trung bình 140 -150 nghìn tấn/tháng) với 60% đóng góp từ đơn hàng xuất khẩu. Về chính sách tồn kho, công ty duy trì số dư tồn kho ở mức 10 nghìn tỷ đồng (tương đương 03 tháng sản xuất kinh doanh) nhằm phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện tại.

Với thị trường xuất khẩu, công ty kỳ vọng giá xuất khẩu trong quý 4 NĐTC 2024 sẽ tương đương so với quý 3, và sản lượng bán hàng sẽ tiếp tục duy trì bằng hoặc cao hơn so với các quý trước. Với thị trường nội địa, sau quý 3 NĐTC

Chúng tôi cho rằng HSG đã nhận thấy lĩnh vực thép nội địa đã có dấu hiệu phục hồi (khi sản lượng bán hàng tương đối tốt), qua đó triển khai lại kế hoạch mở rộng chuỗi Hoasen Home.

“Trong quý 3 NĐTC 2024, công ty dự kiến lợi sẽ tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực so với NĐTC trước, và lũy kế 9 tháng thì công ty đã hoàn thành kế hoạch LNST đặt ra trong ĐHCĐ 2024.”

SMARTPORTFOLIO 08/2024

IJC

HOSE

Danh mục: MIDCAP

81

75

19

Chất lượng

Định giá

Động lượng

69

Giá mục tiêu: 18,000

Giá hiện tại: 14,950

Lợi nhuận kỳ vọng: 20.4%

Vùng mua: 13,800 - 14,500

+/- Doanh thu (Q2/24): -44.8%

+/- LNST (Q2/24): -48.3%

EPS: 683

ROE: 6.1%

Quý 2/2024, IJC dự kiến ghi nhận KQKD sụt giảm so với mức nền cao, do cùng kỳ công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản lớn cho TDC và doanh thu xây dựng cho dự án Nhà ở công nhân Becamex Bình Phước. Tuy nhiên, trong Quý 2/2024, công ty cũng có thể ghi nhận lợi nhuận từ công ty liên kết CTCP PT Hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước (sở hữu 31,4%).

Trong đóng góp vào kế hoạch kinh doanh năm 2024 dự kiến, mảng bất động sản tiếp tục đóng vai trò chủ lực với các dự án: Sunflower 2 (doanh thu 790 tỷ đồng, tương ứng 71 căn), KDC Hòa Lợi (doanh thu 242 tỷ đồng, Prince Town mở rộng 106 tỷ đồng. Mảng thu phí kỳ vọng sẽ có sự phục hồi so với năm 2023. Các mảng doanh thu khác như xây

dựng (413 tỷ đồng), khách sạn (215 tỷ đồng)....tổng cộng đóng góp khoảng 755 tỷ đồng.

Về tiến độ các dự án (1) Becamex Bình Phước: Quỹ đất sạch sẵn sàng cho thuê là 1.154 ha (đã đền bù GPMB 1.800 ha), dự kiến kế hoạch kinh doanh cho khu này năm 2024 với doanh thu khoảng 512 tỷ đồng và LNST khoảng 128 tỷ đồng; (2) Quốc lộ 13 mở rộng: đang tiếp tục thi công và đang làm việc với cơ quan chức năng để di dời đường điện.

“Quý 2/2024, IJC dự kiến ghi nhận KQKD sụt giảm so với mức nền cao.”

SMARTPORTFOLIO 08/2024

PC1

HOSE

Danh mục: MIDCAP

62

45

19

Chất lượng

Định giá

Động lượng

49

Giá mục tiêu: 29,500

Giá hiện tại: 29,000

Lợi nhuận kỳ vọng: 1.7%

Vùng mua: 26,000 - 28,000

+/- Doanh thu (Q2/24): 109.9%

+/- LNST (Q2/24): 593.9%

EPS: 892

ROE: 3.8%

PC1 công bố LNST Q2/2024 kém tích cực, đạt 75 tỷ đồng, tuy nhiên đây là một sự thay đổi tích cực so với khoản lỗ 21 tỷ đồng trong Q2/2023. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, LNST đạt 204 tỷ đồng (tăng 249% so với cùng kỳ), chỉ hoàn thành 39% kế hoạch kinh doanh cả năm của công ty.

Mảng phát điện đóng góp 44% lợi nhuận gộp của PC1, sau đó là mảng khai khoáng niken và mảng xây dựng. PC1 đang chuẩn bị xây dựng hai nhà máy thủy điện nhỏ mới là Bảo Lạc A (30MW) và Thượng Hà (13MW) trong Q3/2024. Công ty hiện có 169MW công suất thủy điện và 144MW công suất điện gió. Trong nửa cuối năm 2024, chúng tôi dự báo PC1 sẽ ghi nhận thêm doanh thu từ xây dựng đường dây truyền tải 500kV mạch 3 cũng như từ mảng thủy điện.

PC1 hưởng lợi từ việc tăng đầu tư vào các đường dây truyền tải điện tại Việt Nam cũng như từ cơ chế mua bán điện trực tiếp mới, cho phép các nhà máy điện tái tạo bán điện trực tiếp cho các khách hàng tiêu thụ điện lớn với giá tốt hơn so với bán cho EVN. PC1 đang giao dịch với P/E dự phóng cho năm 2025 ở mức 14,2 lần, cao hơn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 11,8 lần.

“LNST Q2/2024 kém tích cực, đạt 75 tỷ đồng, tuy nhiên đây là một sự thay đổi tích cực so với khoản lỗ 21 tỷ đồng trong Q2/2023.”



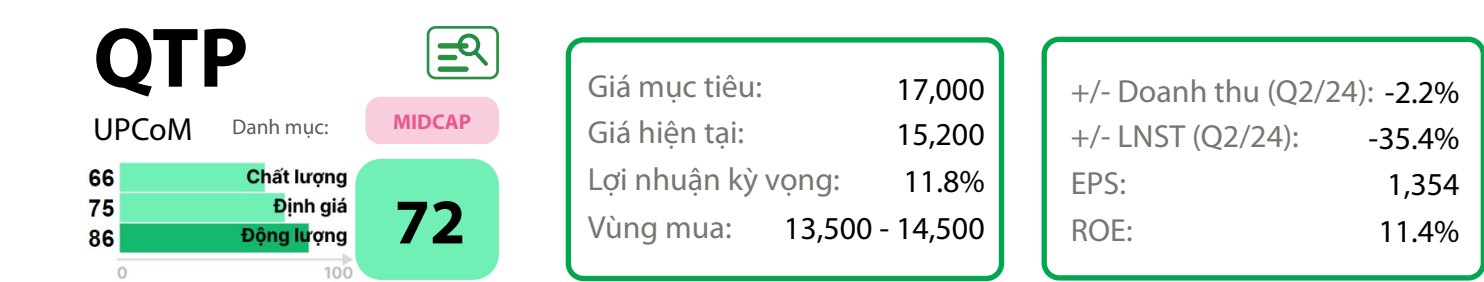
PVT công bố kết quả kinh doanh quý 2/2024 với doanh thu đạt 2.994 tỷ đồng (+41%YoY) và LNST-CDTS đạt 287 tỷ đồng (-9%YoY). Biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ từ 24,7% xuống 23,3% do sự sụt giảm mạnh trong hoạt động thương mại và hoạt động khác. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp mảng vận tải tăng mạnh lên 26,8% trong quý 1/2024 từ mức 23,5% quý 1/2023. Tính chung 6 tháng đầu năm, doanh thu và LNST của PVT đạt 5.530 tỷ (+33% YoY) và 663 tỷ (+5,3% YoY), lần lượt hoàn thành 62,8% và 87,3% kế hoạch.

Năm 2024, Doanh thu và LNST-CDTS (đã điều chỉnh thu nhập từ thanh lý tàu) kỳ vọng đạt 10.423 tỷ đồng (+9,1% YoY) và 933 tỷ đồng (+11% YoY). Chúng tôi kỳ vọng doanh

thu mảng vận tải nội địa tăng nhẹ do sự kiện nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo dưỡng, do đó động lực tăng trưởng doanh thu của PVT trong năm 2024 sẽ đến chủ yếu từ mảng kinh doanh quốc tế.

PVT hiện giao dịch ở mức P/E là 10,4x (2024F), và 8,7x (2025F) so với trung bình 5 năm là 8x và P/E mục tiêu của chúng tôi là 10,5x.

“Trong Q2/2024, Doanh thu đạt 2.994 tỷ đồng (+41%YoY) và LNST-CDTS đạt 287 tỷ đồng (-9%YoY).”



Trong kỳ, QTP ghi nhận doanh thu đạt 3.628 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ do sản lượng điện và giá điện thị trường đều giảm svck. LNST đạt gần 160,4 tỷ đồng, giảm 35,4% svck nguyên nhân chủ yếu là biên lợi nhuận gộp giảm từ 8% xuống 5,8% (chi phí nhiên liệu đầu vào tăng). Lũy kế 6T/24, doanh thu đạt gần 6.638 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, LNST đạt hơn 386,8 tỷ đồng, giảm 1,3% svck. Với kết quả này, QTP hoàn thành gần 54% kế hoạch doanh thu và 77,4% kế hoạch LNST năm 2024.

Biên lợi nhuận gộp của QTP giảm trong Q2/2024 do giá than có xu hướng tăng. Tuy nhiên giá than New Castle đã giảm khoảng 9% từ đỉnh ngắn hạn tháng 5/24 và hiện đang duy trì xu hướng đi ngang từ đầu tháng 6 giúp biên

giúp biên lợi nhuận gộp có thể được cải thiện trong Q3/2024 nhờ giá than trộn điều chỉnh giảm tương ứng.

Bên cạnh kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm suy giảm do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, thị trường chung đang trong giai đoạn điều chỉnh kể từ đầu tháng 7 và vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục theo dõi khi doanh nghiệp có tín hiệu rõ ràng hơn về KQKD và các yếu tố như giá nguyên vật liệu đầu vào, sản lượng điện được huy động khi chuyển pha thời tiết.

“Trong Q2/2024, QTP ghi nhận doanh thu đạt 3.628 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% svck, LNST đạt gần 160,4 tỷ đồng, giảm 35,4% svck.”



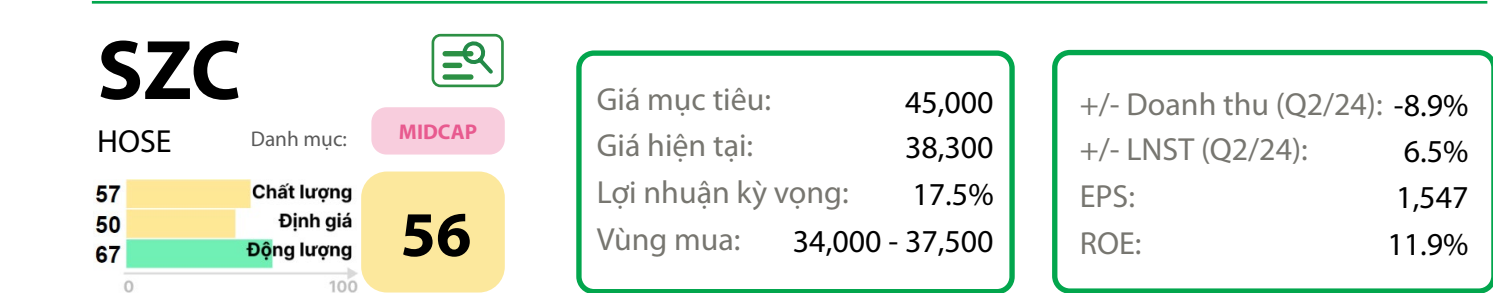
SCS công bố KQKD Q2/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 190 tỷ đồng và 264 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ (tăng 29% so với quý trước) và tăng 53% so với cùng kỳ (tăng 24% so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt 39% so với cùng kỳ và 43% so với cùng kỳ lên 337 tỷ đồng và 477 tỷ đồng. Với kết quả trên, SCS hoàn thành lần lượt 50% và 49% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Sản lượng hàng hóa tăng đáng kể nhờ nhu cầu phục hồi từ mức nền thấp của năm ngoái cũng như sự đóng góp của khách hàng mới là nguyên nhân chính dẫn đến KQKD

tích cực trong Q2/2024. Cụ thể: Tổng sản lượng hàng hóa trong Q2/2024 tăng 50% so với cùng kỳ và tăng 20% so với quý trước đạt 70.298 tấn; Nhu cầu phục hồi từ mức nền thấp của năm ngoái khi ngành công nghiệp đang phục hồi mạnh dẫn đến sản lượng hàng hóa tăng mạnh.

Cổ phiếu đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,7 lần, thấp hơn bình quân từ tháng 1/2019 ở mức 14,3 lần.

“KQKD Q2/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 190 tỷ đồng (tăng 47% so với cùng kỳ) và 264 tỷ đồng (tăng 53% so với cùng kỳ).”

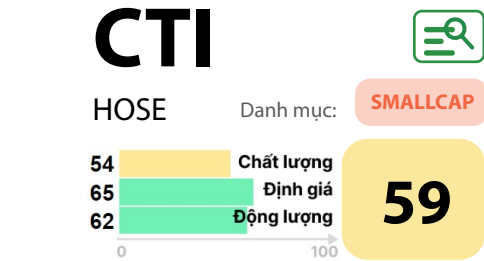


Doanh thu Q2/2024 đạt 262 tỷ đồng -8,9% svck. Trong đó, doanh thu từ cho thuê đất công nghiệp đạt 233 tỷ đồng và chủ yếu đến từ hợp đồng cho thuê của CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2. Việc giá cho thuê KCN tăng 15-19% svck giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh mẽ lên 57,0% so với 47,8% của cùng kỳ và 46,1% quý trước, qua đó giúp LNST đạt 102 tỷ đồng + 6,5% svck và 57,1% quý trước.

Hiện tại, SZC đã ký hợp đồng cho thuê mới là gần 30ha, trong đó cho Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam thuê trên diện tích 18 ha và HPG thuê sản xuất container khoảng 6ha nâng tổng diện tích ký cộng với các nhà đầu tư nhỏ khác đạt trên 45 ha (tăng 12% svck) - cao hơn kế hoạch cho thuê của công ty là 40 ha.

Chúng tôi kỳ vọng KQKD năm 2024 của SZC sẽ tiếp tục khả quan dựa trên : (1) Diện tích còn lại sẵn sàng cho thuê hơn 400 ha; (2) Triển vọng tăng giá thuê cao hơn so với các KCN khác ở Bà Rịa - Vũng Tàu –KCN Châu Đức hiện có giá thuê thấp hơn 20-35% so với các KCN khác và kết nối cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể từ đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu (3) Tình hình thu hút FDI tiếp tục khả quan tại Bà Rịa- Vũng Tàu khi trong 7 tháng 2024, FDI đăng ký dẫn đầu cả nước với 1,54 tỷ USD (tăng 6,2 lần so với cùng kỳ).

“Doanh thu Q2/2024 đạt 262 tỷ đồng -8,9% svck. LNST đạt 102 tỷ đồng + 6,5% svck và 57,1% quý trước.”



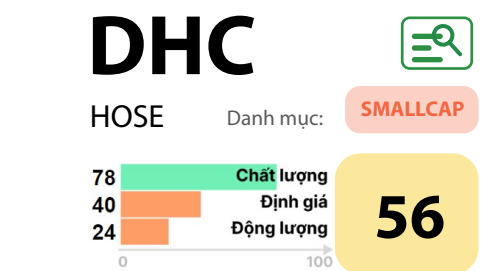
Quý 2/2024, CTI đạt doanh thu thuần 254,3 tỷ đồng (+25% svck), lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 25,2 tỷ đồng (-32% svck). Lũy kế 6 tháng năm 2024, CTI hoàn thành lần lượt 43% và 55% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế cho năm 2024.

Biên lợi nhuận gộp tổng thể ghi nhận giảm nhẹ đạt 44% (cùng kỳ đạt 59%) chủ yếu do việc giảm tỷ suất của mảng xây lắp. Đáng chú ý trong kỳ, khoản mục Người mua trả trước tiếp tục tăng gần 29 tỷ đồng so với đầu năm nhờ đóng góp của Tổng công ty Trường Sơn.

Nhìn chung, KQKD Quý 2/2024 của CTI ghi nhận chưa thực sự tích cực nhưng khả năng sẽ có sự cải thiện trong

nửa cuối năm còn lại dựa trên (1) Sự phục hồi tích cực của nền kinh tế và đầu tư công được duy trì sẽ giúp mảng BOT và xây lắp cải thiện hơn, hiện giá trị ký hợp đồng cho các 3 dự án lớn nằm trong khoảng 500-600 tỷ đồng sẽ đủ khối lượng công việc cho 2 năm tiếp theo (2) Kỳ vọng nhận được phê duyệt chủ trương cho mỏ đá Thiện Tân 10 (3) Vấn đề xử lý cho trạm BOT Quốc lộ 91 Cần Thơ sẽ được thảo luận và giải quyết trong kỳ họp thứ 8 Quốc hội vào

“Quý 2/2024, CTI đạt doanh thu thuần 254,3 tỷ đồng (+25% svck), lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 25,2 tỷ đồng (-32% svck).”

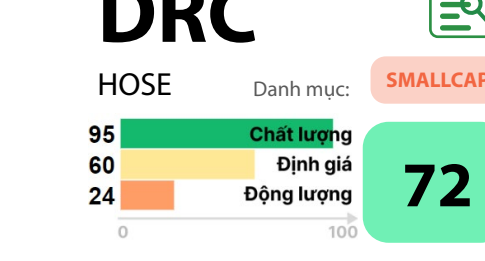


DHC công bố KQKD Q2 kém tích cực: Doanh thu trong kỳ ghi nhận tăng trưởng khá tích cực (tăng 27% YoY và 25% QoQ), trong khi đó LNST của doanh nghiệp ghi nhận tăng trưởng âm 34% YoY và có tăng nhẹ 9% so với Q1. Theo giải trình, diễn biến này là do sản lượng bán trong kỳ của doanh nghiệp có tăng nhẹ trong bối cảnh giá bán hồi phục. Ngoài ra, trong Q2/2024, sản lượng bán của nhà máy Bao Bì Bến Tre tăng 51% YoY, đóng góp 3 tỷ đồng vào LNST.

Chi phí nguyên liệu tăng mạnh hơn giá bán là nguyên do chính khiến cho biên lợi nhuận gộp của DHC có sự sụt giảm đáng kể từ mức 17,2% trong Q2/2023 xuống còn 10,8% trong Q2/2024. Lũy kế 1H 2024,

doanh thu doanh nghiệp tăng 11% YoY, nhưng LNST giảm 35% YoY. Tương ứng hoàn thành lần lượt 56% và 39% kế hoạch doanh thu và LNST cả năm 2024. Triển vọng 2H2024: Với xu hướng giá bán giấy vẫn neo ở mức cao trong khi đơn giá OCC bắt đầu có dấu hiệu hạ nhiệt, chúng tôi kỳ vọng chênh lệch giá cải thiện dần là động lực giúp lợi nhuận của doanh nghiệp hồi phục trong giai đoạn sắp tới.

“Doanh thu Q2/2024 tăng 27% YoY và 25% QoQ, trong khi đó LNST ghi nhận tăng trưởng âm 34% YoY có tăng nhẹ 9% so với Q1.”



DRC vừa công bố KQKD Q2/2024 với lợi nhuận thuần đạt 77 tỷ đồng (tăng 52% svck và tăng 57% so với quý trước) trên doanh thu thuần 1.364 tỷ đồng (tăng 17% svck và tăng 40% so với quý trước). Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần tăng 3% so với cùng kỳ trong khi lợi nhuận thuần tăng 66% so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện, đạt lần lượt 45% và 43% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

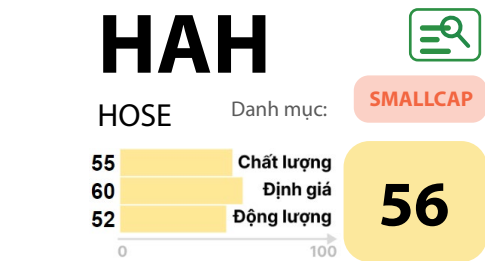
Doanh thu xuất khẩu Q2/2024 tăng 4% so với cùng kỳ và tăng 30% so với quý trước đạt 34,7 triệu USD, nhờ đồng USD tăng giá cộng với công suất sản xuất lớp TBR tăng và tăng trưởng ở lớp PCR. Trong khi đó, doanh thu trong nước cũng tăng mạnh 40% so với cùng kỳ và 57% so với quý trước đạt 540 tỷ đồng nhờ doanh thu tháng 6/2024

tăng mạnh.

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 tăng lên 20,1% (cao hơn mức 12,5% trong Q2/2023 và 16,6% trong Q1/2024) nhờ sản lượng tiêu thụ tăng, cơ cấu sản phẩm tốt hơn (với tỷ trọng doanh thu trong nước/tổng doanh thu tăng), và đồng USD tăng giá đã hỗ trợ tích cực lên tỷ suất lợi nhuận ở phân khúc xuất khẩu.

Chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần cho 2024 và 2025 dự báo đạt lần lượt 296 tỷ đồng (tăng 20%) và 373 tỷ đồng (tăng 26%) nhờ việc chính thức đưa vào vận hành giai đoạn 3 của Nhà máy lớp xe TBR.

“Lợi nhuận thuần Q2/2024 đạt 77 tỷ đồng (tăng 52% svck) trên doanh thu thuần 1.364 tỷ đồng (tăng 17% svck).”



Ước tính sản lượng container xếp dỡ và vận chuyển lần lượt là 132 nghìn TEU (+34% YoY) và 135 nghìn TEU (+42% YoY). Lũy kế 6T2024, sản lượng container xếp dỡ và vận chuyển lần lượt là 248 nghìn TEU (+34% YoY) và 254 nghìn TEU (+43% YoY), tương ứng hoàn thành 54%/45% kế hoạch năm.

Doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ lần lượt đạt 949 tỷ đồng (+55% YoY) và 110 tỷ đồng (+15% YoY). Chúng tôi ước tính doanh thu xếp dỡ và đội tàu lần lượt đạt 109 tỷ đồng (+15% YoY) và 736 tỷ đồng (+34% YoY). Doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ đến từ (1) sản lượng container duy trì đà tăng trưởng ở hai mảng xếp dỡ và vận tải (2) gia tăng tỷ trọng container XNK có đơn giá cao hơn hàng nội địa, tỷ trọng container XNK

cải thiện lên mức 30 – 35% từ mức 20% của cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh mẽ, đạt 26% (+2 pps YoY và +11 pps QoQ).

Biên lợi nhuận gộp mở rộng nhờ giá cước vận tải và cho thuê tàu đều tăng lên đáng kể so với quý trước đó, dù cho HAH đã ghi nhận thêm chi phí khấu hao từ hai tàu đóng mới. Tuy nhiên, biên LNST-CĐM lại giảm nhẹ do công ty con đã có lợi nhuận trong Q2-FY24 (cùng kỳ ghi nhận lỗ 17 tỷ đồng).

“Trong Q2/2024, doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ lần lượt đạt 949 tỷ đồng (+55% YoY) và 110 tỷ đồng (+15% YoY).”

HAX

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

62

75

86

Chất lượng

Định giá

Động lượng

70

Giá mục tiêu: 16,000

Giá hiện tại: 15,950

Lợi nhuận kỳ vọng: 0.3%

Vùng mua: 14,500 - 15,500

+/- Doanh thu (Q2/24): 40.8%

+/- LNST (Q2/24): 341.2%

EPS: 551

ROE: 5.0%

Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 4,4 lần so với cùng kỳ đạt 7,5 tỷ đồng. Việc lợi nhuận phục hồi mạnh so với cùng kỳ chủ yếu được dẫn dắt bởi mảng kinh doanh xe MG (mảng này có KQKD sát với dự báo của chúng tôi) trong khi KQKD mảng phân phối xe Mercedes lại gây thất vọng, thấp hơn dự báo.

Mảng phân phối xe MG tiếp tục cải thiện mạnh mẽ trong Q2/2024, với lợi nhuận thuần sau thuế ước tính đạt 21 tỷ đồng, so với mức lỗ 4 tỷ đồng trong Q2/2023 và tiếp tục mở rộng từ mức 19 tỷ đồng trong Q1/2024. Ngược lại, KQKD mảng phân phối xe Mercedes (thể hiện qua KQKD của công ty mẹ) đã gây thất vọng, với lợi nhuận thuần sau thuế chỉ đạt 1 tỷ đồng trong Q2/2024, giảm 86% so với

quý trước.

Chính phủ đang xem xét việc nới lại chính sách hỗ trợ miễn giảm 50% phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước. Nếu được thông qua, chính sách này có thể giúp cải thiện nhu cầu đối với xe Mercedes vì các mẫu xe chủ chốt của thương hiệu này được lắp ráp trong nước, trong khi không ảnh hưởng đến MG vì tất cả các xe MG đều được nhập khẩu (chủ yếu từ Thái Lan).

“Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 4,4 lần so với cùng kỳ đạt 7,5 tỷ đồng.”

ITC

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

59

85

10

Chất lượng

Định giá

Động lượng

60

Giá mục tiêu: 14,000

Giá hiện tại: 11,650

Lợi nhuận kỳ vọng: 20.2%

Vùng mua: 10,800 - 11,600

+/- Doanh thu (Q2/24): -1.8%

+/- LNST (Q2/24): 208.2%

EPS: 812

ROE: 3.4%

Kết quả kinh doanh của ITC tiếp tục thể hiện bức tranh thiếu động lực khi không có dự án BĐS mới nào được đưa vào kinh doanh. Sau 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 273 tỷ, lợi nhuận trước thuế đạt 30 tỷ, đều gần như đi ngang so với cùng kỳ. Trong đó, mảng khách sạn là điểm sáng duy nhất, "gồng gánh" kết quả kinh doanh, đạt doanh thu 177 tỷ (+7% YoY), chiếm tỷ trọng 65% tổng doanh thu, phần còn lại đến từ bàn giao số ít sản phẩm còn lại của dự án cũ cùng một số dịch vụ khác. Như vậy, ITC đã lần lượt hoàn thành 44% và 28% kế hoạch doanh thu và LNST năm 2024.

Chúng tôi ước tính kết quả kinh doanh 2024 của ITC sẽ chưa thể có biến chuyển trong năm nay, tiếp tục duy trì mức thấp điểm. Cụ thể, doanh thu đạt 433 tỷ (-18% yoy)

và LNST đạt 52 tỷ (-41% yoy). Trong đó, trụ cột KQKD là khách sạn La Vela với doanh thu 345 tỷ (+7% yoy), chiếm 80%, còn lại mảng BĐS chủ yếu ghi nhận lác đác các căn còn lại thuộc dự án Terra Royal và Terra Flora. Từ đó, biên gộp cũng bị kéo giảm 8 điểm phần trăm so với năm trước về mức 35%.

“Sau 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 273 tỷ, lợi nhuận trước thuế đạt 30 tỷ, đều gần như đi ngang so với cùng kỳ.”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

27

SMARTPORTFOLIO 08/2024

LHG

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

78

50

33

Chất lượng

Định giá

Động lượng

61

Giá mục tiêu: 66,000

Giá hiện tại: 41,600

Lợi nhuận kỳ vọng: 58.7%

Vùng mua: 36,000 - 39,000

+/- Doanh thu (Q2/24): 142.7%

+/- LNST (Q2/24): 178.7%

EPS: 3,857

ROE: 12.2%

LHG báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 có sự phục hồi mạnh so với các quý trước và so với cùng kì năm trước. Các điểm nhấn đáng chú ý bao gồm:

LHG bàn giao và ghi nhận doanh thu cho 1,32 ha cho Eudan (0.68ha)và Orflood Vina (0.64ha). Theo ước tính đơn giá đất cho thuê vào khoảng 255USD/m2 (~7%YoY) tại tỷ giá 24.700 VND/USD (do thời điểm ký hợp đồng trong quý 4/2023).

Mảng cho thuê NXXS của LHG vẫn duy trì mặt bằng doanh thu so với quý 1 45 tỷ đồng. Và đưa vào vận hành cho thuê NXXX(kết chuyển 84 tỷ từ XDCB -> BĐS đầu tư) trong những ngày cuối tháng 6, chúng tôi ghi vọng doanh thu cho thuê NXXS theo quý của LHG sẽ tiếp tục tăng trong các quý tới khi (1) diện tích thuê mới trong tháng 6 sẽ đóng

góp nhiều hơn và (2) LHG sẽ đưa vào vận hành cho thuê NXX 3A (19-22) bắt đầu từ quý 2. Theo, ước tính nếu lấp đầy lô nxxs mới này mỗi quý có thể đóng góp thêm 4,4 tỷ/quý.

Sau ghi nhận bàn giao hai thương vụ trên, backlog hợp đồng chính thức của LHG chưa ghi nhận thêm hợp đồng chính thức nào tại thời điểm cuối quý 2. Trong khi đó, hợp đồng đặt cọc duy trì số dư 11,6 tỷ đồng tương ứng với ~5%-10% giá trị hợp đồng. Theo ước tính diện tích dần bàn giao có thể đạt 1,8 -3.6 ha trong các quý sắp tới.

“Doanh thu và LNST Q2/2024 lần lượt đạt 162 tỷ đồng (+143%YoY) và 68 tỷ đồng (+178%YoY).”

PVP

HOSE

Danh mục: SMALLCAP

75

80

81

Chất lượng

Định giá

Động lượng

78

Giá mục tiêu: 19,600

Giá hiện tại: 16,500

Lợi nhuận kỳ vọng: 18.8%

Vùng mua: 16,000 - 16,700

+/- Doanh thu (Q2/24): -0.1%

+/- LNST (Q2/24): 17.3%

EPS: 1,853

ROE: 11.0%

Trong Q2/2024, tổng doanh thu gần như giữ nguyên so với cùng kỳ do sụt giảm tỷ lệ đóng góp của các dịch vụ phụ trợ, tuy nhiên doanh thu từ dịch vụ vận tải dầu gia tăng rõ rệt, đạt 132,54 tỷ đồng (+52% svck), chiếm 37% tổng doanh thu. Ngoài ra doanh thu từ cho thuê tàu FSO Đại Hùng Queens ổn định đạt 62,6 tỷ đồng, doanh thu quản lý đội tàu thuê cho PVTrans để vận chuyển dầu cho BSR là 1,3 tỷ đồng (+23% svck). Trong khi đó, giá vốn hàng bán cho dịch vụ cung cấp giảm so với cùng kỳ, giúp cho lợi nhuận gộp tăng trưởng mạnh đạt 93,4 tỷ (+54% svck). Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ ghi nhận 62,9 tỷ đồng, tăng trưởng 17% svck.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu

thuần là 733 tỷ đồng (+10% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ là 109,3 tỷ đồng (+8% svck). Theo đó, Công ty đã hoàn thành được 43% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cho cả năm 2024.

Chúng tôi dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2024F của PVP dự kiến lên 196,2 tỷ đồng. EPS & BVPS 2024F dự kiến đạt 1.892 đ/cp & 17.863 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 8,7x và 0,9x lần tại mức giá hiện tại.

“Trong Q2/2024, doanh thu giữ nguyên svck, lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ ghi nhận 62,9 tỷ đồng, tăng trưởng 17% svck.”

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI

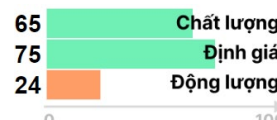
28

TNG

HNX

Danh mục:

SMALLCAP



62

Giá mục tiêu: 30,000
Giá hiện tại: 25,900
Lợi nhuận kỳ vọng: 15.8%
Vùng mua: 22,500 - 24,000

+/- Doanh thu (Q2/24): 8.7%
+/- LNST (Q2/24): 51.5%
EPS: 2,074
ROE: 13.9%

Công ty ghi nhận doanh thu Q2/2024 đạt 2.173 tỷ đồng (+8% YoY) nhờ đơn hàng cải thiện. Biên gộp Q2/2024 đạt 16,4% (+4 pps YoY) nhờ giá bán tăng nhẹ 5% YoY. Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng 73% YoY (chủ yếu đến từ chi phí tài chính khác khi chi phí lãi vay chỉ tăng nhẹ 5% YoY) đã làm LNST còn 86,3 tỷ đồng (+62% YoY). Theo giải trình của doanh nghiệp thì mức tăng trưởng chủ yếu đến từ việc khai thác sản phẩm khó, phức tạp và mở rộng thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng tối ưu chi phí nhờ tăng sử dụng máy móc thiết bị tự động và cải thiện năng suất lao động.

Doanh thu thấp hơn dự phóng của chúng tôi 4% và lợi nhuận cũng thấp hơn ước tính của 18% do chi phí tài

chính cao hơn dự phóng của chúng tôi 50%. KQKD hợp nhất dự kiến cao hơn nhờ lợi nhuận từ công ty liên kết TNG land. Bên cạnh đó, chúng tôi đang liên hệ ban lãnh đạo về việc mở rộng dây chuyền may khi nhận thấy khoản chi cho CAPEX của doanh nghiệp trong nửa đầu năm 2024 chỉ khoảng 20 tỷ đồng (-36% YoY) trong khi 1 dây chuyền may có chi phí từ 5-10 tỷ đồng (ban lãnh đạo từng chia sẻ) và kế hoạch lắp 12 dây chuyền mỗi quý thì số chi phí cho CAPEX của doanh nghiệp trong nửa đầu năm 2024 phải khoảng 60 tỷ.

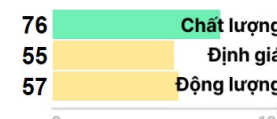
"Doanh thu và LNST Q2/2024 lần lượt đạt 2.173 tỷ đồng (+8% YoY) và 86,3 tỷ đồng (+62% YoY)."

VLB

HNX

Danh mục:

SMALLCAP



66

Giá mục tiêu: 42,000
Giá hiện tại: 35,100
Lợi nhuận kỳ vọng: 19.7%
Vùng mua: 33,000 - 34,500

+/- Doanh thu (Q2/24): 38.7%
+/- LNST (Q2/24): 74.9%
EPS: 3,884
ROE: 28.4%

Quý 2/2024, VLB ghi nhận doanh thu thuần 339 tỷ đồng (+39% svck), LNST công ty mẹ ghi nhận 53 tỷ đồng (+79% svck), như vậy lũy kế 6 tháng năm 2024. VLB lần lượt hoàn thành 65% kế hoạch doanh thu và vượt kế hoạch lợi nhuận của cả năm 2024.

Nhìn chung, sự phục hồi tốt của trong lợi nhuận sau thuế tới chủ yếu từ các động lực (1) Sân bay Long Thành tích cực đẩy nhanh tiến độ khiến nhu cầu đá của mỏ Tân Cang 1 tăng lên (2) Sự phục hồi của thị trường bất động sản nói chung (3) Nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án đầu tư công.

Dự kiến trong Quý 3/2024, KQKD của VLB cũng sẽ bị ảnh hưởng do tính mùa vụ, thời tiết mưa thường làm

hoạt động xây dựng chậm lại. Nhưng vẫn có khả năng duy trì ở ngưỡng cao so với mức nền thấp của cùng kỳ.

Trong Quý 4/2024, nhờ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh hoạt động xây dựng của các dự án bất động sản, hoạt động xây+ sửa nhà, giải ngân đầu tư công đặc biệt là dự án sân bay Long Thành. KQKD của VLB có khả năng tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng so với cùng kỳ.

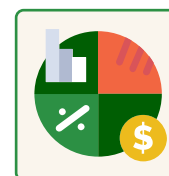
"Quý 2/2024, VLB ghi nhận doanh thu thuần 339 tỷ đồng (+39% svck), LNST công ty mẹ ghi nhận 53 tỷ đồng (+79% svck)."

CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ



Cổ tức tiền mặt cao: BMP, LHG, NT2, QNS, SIP,...

Đầu tư công: HPG, HSG, DPG, C4G, CTD,...



P/B < 1: ABB, DXG, GEX, MSB, POW,...

BDS Dân dụng & KCN: HDC, IJC, KDH, DPR, KBC,...





SMARTPORTFOLIO 08/2024

CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BMP	-	Nhựa	104	95.7	8.7%	80 - 89	8.4	2.8	11,432
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	66	41.6	58.7%	36 - 39	10.8	1.3	3,857
NT2	●	Điện	22.1	20	10.5%	18 - 20	71.6	1.4	279
QNS	●	Mía đường	55.8	48.8	14.3%	45 - 47	7.5	2.1	6,481
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	114	77.5	47.1%	67 - 73	15.6	4.1	4,957

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G	-	Xây dựng	11	9.4	17.0%	8 - 9	18.5	0.9	507
CTD	-	Xây dựng	85	67.2	26.5%	61.5 - 65	24.8	0.8	2,710
DPG	-	Xây dựng	57.5	51.6	11.4%	45 - 49	15.6	1.4	3,318
HPG	●	Thép	33.9	27.9	21.5%	26 - 27	19.2	1.8	1,455
HSG	●	Thép	24.3	22.9	6.1%	21 - 22.5	12.4	1.3	1,841

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ABB	-	Ngân hàng	11	7.9	39.2%	7.5 - 8.2	68.8	0.6	115
DXG	-	BĐS Dân cư	17.5	13.7	27.7%	11.8 - 13	55.0	0.7	249
GEX	-	Thiết bị Điện - Điện tử	26	22.75	14.3%	21 - 22	18.3	0.9	1,245
MSB	-	Ngân hàng	17	14.65	16.0%	13 - 14	6.3	0.9	2,310
POW	●	Điện	14.4	13.4	7.5%	12.3 - 13	28.7	0.9	467

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

●

Cổ phiếu Tăng trưởng

●

Cổ phiếu Phòng thủ

-

Đang cập nhật phân loại

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI



31



SMARTPORTFOLIO 08/2024

BĐS DÂN DỤNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HDC	-	BĐS Dân cư	33	28.45	16.0%	25 - 26.5	43.8	2.3	649
IJC	-	BĐS Dân cư	18	14.95	20.4%	13.8 - 14.5	21.9	1.3	683
KDH	●	BĐS Dân cư	40.3	36	11.9%	34 - 35.5	49.6	1.9	726
NLG	-	BĐS Dân cư	48.5	41.8	16.0%	39.5 - 41	37.9	1.2	1,102
VHM	-	BĐS Dân cư	44.5	36.7	21.3%	35 - 37.5	6.9	0.8	5,325
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	53.3	41.85	27.4%	38 - 40.5	14.7	1.2	2,848
IDC	●	BĐS Khu công nghiệp	59.1	58.9	0.3%	53 - 56	10.0	3.2	5,880
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	41.8	27.3	53.1%	25 - 27	21.4	1.0	1,274
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	66	41.6	58.7%	36 - 39	10.8	1.3	3,857
PHR	●	BĐS Khu công nghiệp	71	57.3	23.9%	54 - 57.5	18.9	2.0	3,028

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

●

Cổ phiếu Tăng trưởng

●

Cổ phiếu Phòng thủ

-

Đang cập nhật phân loại

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/07/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

CẬP NHẬT

THẬN TRỌNG

CÂN BẰNG

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

SMALLCAP

ĐIỂM NHẤN

CHỦ ĐỀ

TỔNG QUAN

PHƯƠNG PHÁP

DIỄN GIẢI



32

TỔNG QUAN VỀ SMART PORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro

Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chiến lược đầu tư

Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.

Cơ cấu đầu tư

Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng.

Phương pháp đầu tư

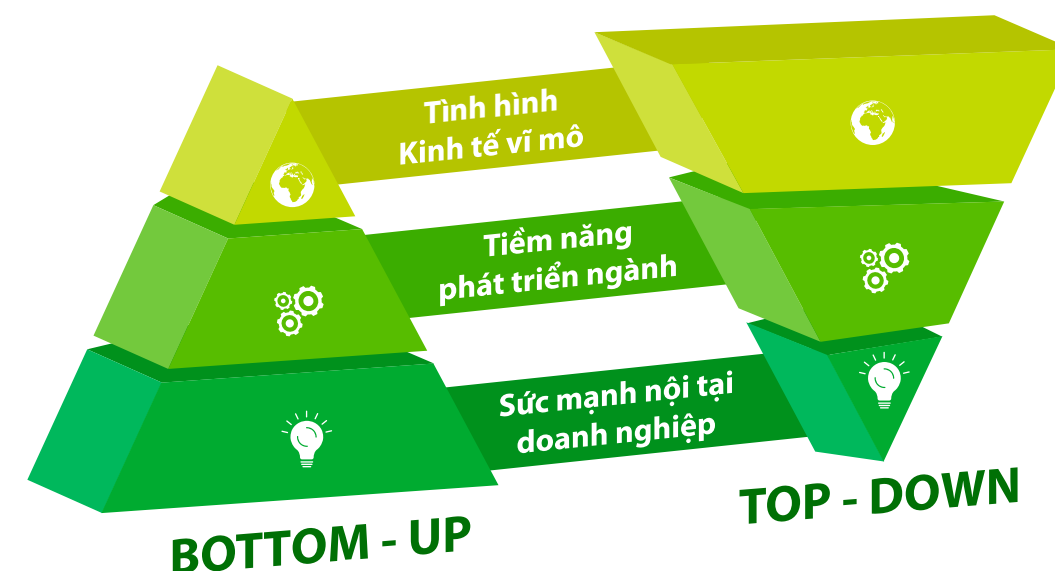
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

I. Phương pháp tiếp cận

Kết hợp **Bottom-Up** và **Top-down** để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội.



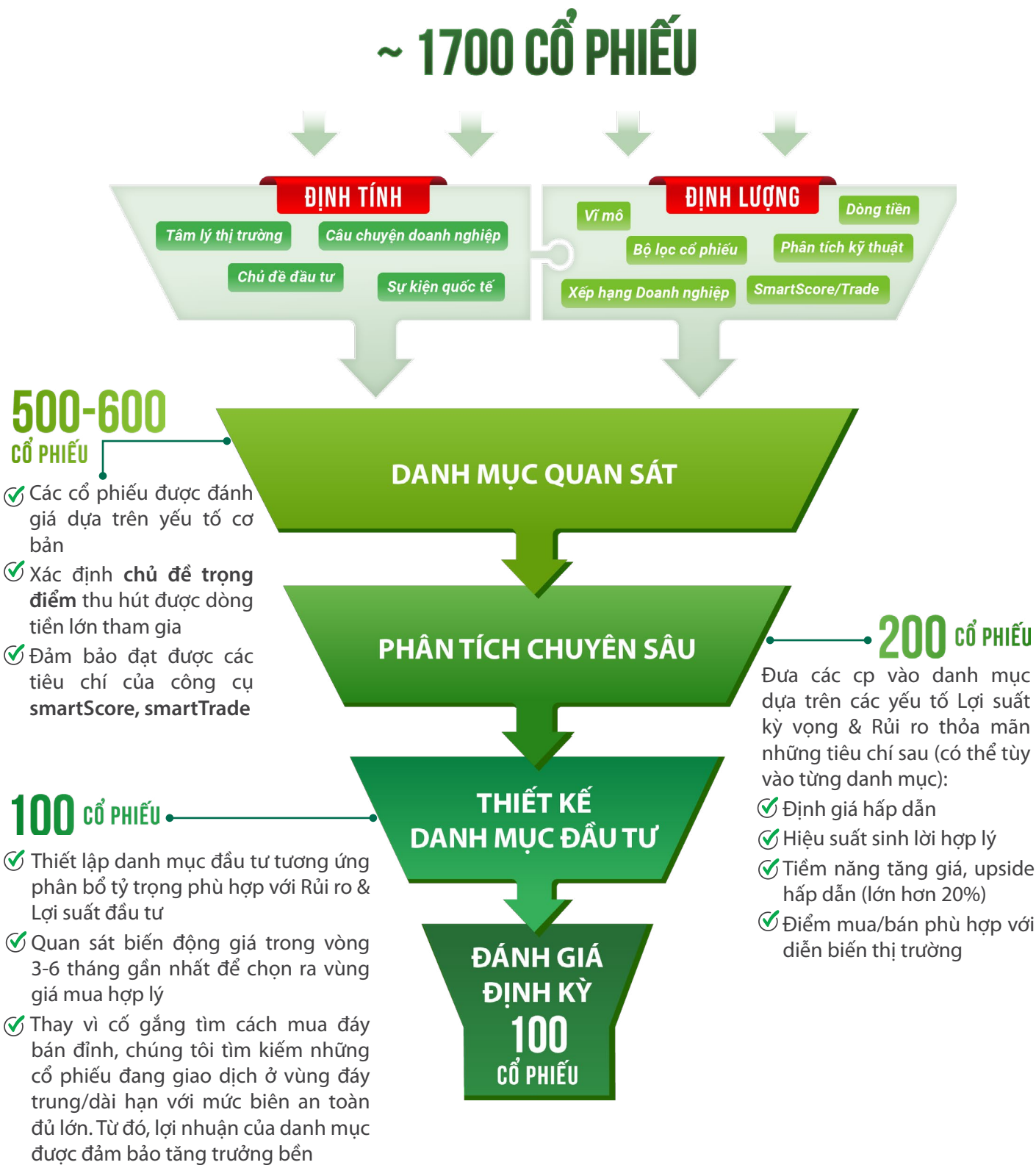
Đối với phương pháp Bottom-up: Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- ✓ Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ
- ✓ Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- ✓ Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- ✓ Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý.

Đối với phương pháp Top-down: Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- 1 Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng.
- 2 Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như:
 - ✓ Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động
 - ✓ Chất lượng quản trị & năng lực điều hành
 - ✓ Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp
 - ✓ Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận
- 3 Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai.

II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư



Cổ phiếu Tăng trưởng (●)

Cổ phiếu tăng trưởng là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi

họ bán cổ phiếu. Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

Cổ phiếu Phòng thủ (●)

Cổ phiếu phòng thủ là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...

Danh sách cổ phiếu chờ

Danh sách cổ phiếu chờ là danh sách những cổ phiếu được ưu tiên lựa chọn để thay thế những cổ phiếu trong danh mục chính tại thời điểm cơ cấu danh mục vào cuối tháng.

Chấm điểm smartscore

Điểm Chất lượng tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

* Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- ✓ **Chỉ số Hoạt động:** vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- ✓ **Chỉ số Thanh khoản:** chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- ✓ **Chỉ số Cơ cấu tài sản:** nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- ✓ **Chỉ số Hiệu quả:** biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- ✓ **Chỉ số Tăng trưởng:** tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

Điểm Định giá tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành.

* Các tiêu chí cấu phần điểm Định giá:

- ✓ P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- ✓ Vốn hoá thị trường,...

Điểm Động lượng tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

* Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- ✓ Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
- ✓ Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
- ✓ Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...